

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

(Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0311224517 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2011, được sửa đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 12 năm 2020)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:...../QĐ - SGDCCKHN do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội cấp ngày..... tháng.....năm.....)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa Nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 28 6256 3862 Fax: +84 28 3827 4115
Website: <https://masanmeatlife.com.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 3944 6368 Fax: +84 24 3944 6583
Website: www.tcbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đỗ Thị Thu Nga
Chức vụ: Giám đốc Pháp chế của Tổ Chức Niêm Yết
Số điện thoại: +84 28 6256 3862

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

(Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0311224517 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2011, được sửa đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 12 năm 2020)

Trụ sở chính: Lầu 10, Tòa Nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 6256 3862; **Fax:** +84 28 3827 4115; **Website:** <https://masanmeatlife.com.vn>

**NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên trái phiếu	:	Trái Phiếu MMLB2126001 (“Trái Phiếu”)
Mã trái phiếu	:	MML121021
Loại trái phiếu	:	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết.
Ngày phát hành	:	26/8/2021
Ngày đáo hạn	:	26/8/2026
Phương thức thanh toán gốc và lãi	:	(a) Khoản nợ gốc của trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào (i) ngày đáo hạn, hoặc (ii) ngày mua lại trước hạn, hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; và (b) Lãi của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán (i) mỗi 6 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành, hoặc (ii) vào ngày thanh toán khoản nợ gốc như quy định tại đoạn (a) nêu trên.
Lãi suất	:	(i) Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất cố định 9,5%/năm (chín phẩy năm phần trăm một năm); và (ii) Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm (ba phẩy chín phần trăm một năm) và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
Hình thức và Mệnh giá	:	Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử với mệnh giá 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:	19.999.800 (mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm) Trái Phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá	:	1.999.980.000.000 VND (một nghìn chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm tám mươi triệu Đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

- Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3944 6368
- Fax: (84-4) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công Ty TNHH KPMG

- Địa chỉ: Tầng 46, Tòa Nhà Keangnam, Landmark Tower, E6, Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 3946 1600
- Website: <https://home.kpmg.com>

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi Ro Về Kinh Tế	8
2. Rủi Ro Về Luật Pháp	10
3. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Hoạt Động Của Tổ Chức Niêm Yết	10
3.1. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Ngành	10
3.2. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Lĩnh Vực Hoạt Động	11
3.3. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Công Ty	13
4. Rủi Ro Liên Quan Đến Trái Phiếu	15
5. Rủi Ro Khác	16
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 17	
1. Tổ Chức Niêm Yết	17
2. Tổ Chức Tư Vấn	17
III. CÁC KHÁI NIỆM	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	20
1. Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển	20
1.1. Giới Thiệu Chung Về Tổ Chức Niêm Yết	20
1.2. Quá Trình Hình Thành, Phát Triển	21
1.3. Quá Trình Tăng Vốn Điều Lệ Của Tổ Chức Niêm Yết	23
2. Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty	25
3. Cơ Cấu Bộ Máy Quản Lý Của Công Ty	25
3.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông	26
3.2. Hội Đồng Quản Trị	27
3.3. Ủy Ban Kiểm Toán	28
3.4. Tổng Giám Đốc	29
3.5. Chức Năng, Nhiệm Vụ Chính Của Các Phòng Ban	29
4. Danh Sách Cổ Đông Nắm Giữ Từ Trên 5% Vốn Cổ Phần Của Công Ty; Danh Sách Cổ Đông Sáng Lập Và Tỷ Lệ Cổ Phần Nắm Giữ; Cơ Cấu Cổ Đông	31
5. Danh Sách Những Công Ty Mẹ Và Công Ty Con Của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Những Công Ty Mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết Đang Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối, Những Công Ty Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	32
5.1. Danh Sách Công Ty Mẹ Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Niêm Yết	32
5.2. Công Ty Con Sở Hữu Trực Tiếp Mà Tổ Chức Niêm Yết Đang Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần/ Phần Vốn Góp Chi Phối	32
6. Hoạt Động Kinh Doanh	33

6.1.	Nền Tảng 3F (Feed – Farm – Food: Từ Trang Trại Đến Bàn Ăn).....	34
6.2.	Sản Lượng Sản Phẩm, Giá Trị Dịch Vụ Qua Các Năm.....	35
6.3.	Nguyên Vật Liệu Và Nhà Cung Cấp.....	38
6.4.	Chi Phí Sản Xuất.....	39
6.5.	Trình Độ Công Nghệ.....	42
6.6.	Tình Hình Nghiên Cứu Và Phát Triển Sản Phẩm Mới.....	42
6.7.	Tình Hình Kiểm Tra Chất Lượng Sản Phẩm/Dịch Vụ.....	43
6.8.	Hoạt Động Marketing.....	44
6.9.	Nhãn Hiệu Thương Mại, Đăng Ký Phát Minh Sáng Chế Và Bản Quyền.....	45
6.10.	Các Hợp Đồng Lớn Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Được Ký Kết.....	46
7.	Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.....	47
7.1.	Tóm Tắt Một Số Chỉ Tiêu Chủ Yếu Về Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh Của Công Ty Trong 02 Năm Gần Nhất Và Quý Gần Nhất.....	47
7.2.	Những Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh Của Công Ty Trong Năm Báo Cáo.....	49
8.	Vị Thế Của Công Ty So Với Các Doanh Nghiệp Khác Trong Cùng Ngành.....	50
8.1.	Vị Thế Của Tổ Chức Niêm Yết So Với Các Doanh Nghiệp Khác Trong Cùng Ngành	50
8.2.	Triển Vọng Phát Triển Của Ngành.....	51
8.3.	So Sánh Về Tình Hình Tài Chính Và Hoạt Động Kinh Doanh Của Các Doanh Nghiệp Cùng Ngành.....	52
8.4.	Đánh Giá Về Sự Phù Hợp Định Hướng Phát Triển Của Tổ Chức Niêm Yết So Với Định Hướng Của Ngành, Chính Sách Của Nhà Nước, Xu Thế Chung Trên Thế Giới.....	52
9.	Chính Sách Đối Với Người Lao Động.....	52
9.1.	Số Lượng Người Lao Động Trong Công Ty.....	52
9.2.	Chính Sách Đối Với Người Lao Động.....	53
10.	Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Tổ Chức Niêm Yết.....	53
11.	Tình Hình Hoạt Động Tài Chính.....	54
11.1.	Các Chỉ Tiêu Cơ Bản.....	54
11.2.	Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu.....	59
12.	Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Giám Đốc, Kế Toán Trưởng.....	60
12.1.	Hội Đồng Quản Trị.....	60
12.2.	Ủy Ban Kiểm Toán.....	67
12.3.	Ban Điều Hành.....	68
13.	Tài Sản.....	71
13.1.	Tài sản cố định:.....	71

13.2.	Tài sản dở dang dài hạn.....	72
14.	Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh, Lợi Nhuận Và Cổ Tức Trong Các Năm Tiếp Theo.....	73
14.1.	Kế Hoạch Lợi Nhuận.....	73
14.2.	Căn Cứ Để Đạt Được Kế Hoạch Lợi Nhuận Nêu Trên.....	73
14.3.	Kế Hoạch Đầu Tư.....	73
14.4.	Kế Hoạch Tăng Vốn Điều Lệ.....	74
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	76
1.	Loại Trái Phiếu:.....	76
2.	Ngày Phát Hành:.....	76
3.	Ngày Đáo Hạn:.....	76
4.	Thời Hạn Trái Phiếu:.....	76
5.	Mệnh Giá:.....	76
6.	Mục đích phát hành trái phiếu:.....	76
7.	Nguồn Thanh Toán Trái Phiếu:.....	76
8.	Tổng Số Trái Phiếu Niêm Yết:.....	77
9.	Lãi Suất:.....	77
10.	Kỳ Trả Lãi:.....	77
11.	Số Lượng Trái Phiếu Bị Hạn Chế Chuyển Nhượng Theo Quy Định Của Pháp Luật Hoặc Của Tổ Chức Niêm Yết:.....	77
12.	Xếp Hạng Tín Nhiệm:.....	77
13.	Phương Pháp Tính Giá.....	77
14.	Tính Lợi Suất Đáo Hạn.....	80
15.	Phương Pháp Thực Hiện Quyền.....	81
15.1.	Lãi Trái Phiếu.....	81
15.2.	Thanh Toán Gốc và Lãi Trái Phiếu.....	82
15.3.	Mua Lại Trái Phiếu.....	82
16.	Đánh Giá Tác Động Của Tình Hình Lạm Phát Đối Với Trái Phiếu Niêm Yết.....	84
17.	Bảo Lãnh.....	85
17.1.	Bên Bảo Lãnh.....	85
17.2.	Hình thức bảo lãnh.....	85
18.	Giới Hạn Về Tỷ Lệ Nắm Giữ Đối Với Người Nước Ngoài (Theo Quy Định Của Pháp Luật Về Chứng Khoán Và Pháp Luật Chuyên Ngành).....	85
19.	Các Loại Thuế Có Liên Quan Đến Trái Phiếu.....	86
19.1.	Thuế Thu Nhập Cá Nhân.....	86
19.2.	Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp.....	87
19.3.	Thuế Giá Trị Gia Tăng.....	88

VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	90
1.	TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:	90
2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	90
3.	TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:	90
4.	ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:	90
VII.	PHỤ LỤC.....	91

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Ngoài những thông tin có tại các phần khác của Bản Báo Bạch này, nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu nên xem xét kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro dưới đây trước khi mua Trái Phiếu. Việc xảy ra một hoặc nhiều sự kiện được trình bày dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết và có thể ảnh hưởng đến khả năng Tổ Chức Niêm Yết thanh toán tiền gốc và tiền lãi của Trái Phiếu. Ngoài ra, có thể có những vấn đề cần quan tâm và những rủi ro khác có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu nhưng Tổ Chức Niêm Yết hiện nay chưa biết đến hoặc được cho là không trọng yếu.

1. Rủi Ro Về Kinh Tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của MML

Phần lớn doanh thu của MML đều phát sinh từ Việt Nam, và phần lớn hoạt động kinh doanh của Công Ty nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của MML phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam mà các điều kiện đó khác biệt so với điều kiện ở các nước có nền kinh tế phát triển hơn xét trên các khía cạnh quan trọng, bao gồm cả mức độ can thiệp của nhà nước, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả, và hạn chế đối với hàng hóa nhập khẩu. Mặc dù kể từ cuối những năm 1980, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp chú trọng đến việc sử dụng tác động thị trường để cải cách kinh tế, việc giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước đối với tư liệu sản xuất và việc thiết lập bộ máy quản lý cải tiến trong các doanh nghiệp, nhưng một phần đáng kể tư liệu sản xuất ở Việt Nam vẫn thuộc sở hữu của Nhà nước. Công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của MML có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi những thay đổi về chính sách và biện pháp đó.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những thập kỷ qua, tỷ lệ tăng trưởng vẫn không đồng đều, cả về mặt địa lý lẫn giữa các ngành khác nhau của nền kinh tế. Nhà nước Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và hướng dẫn phân bổ các nguồn lực. Một số biện pháp có thể mang lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế Việt Nam, nhưng có thể tác động bất lợi đến MML. Ví dụ, việc tăng lãi suất để kiểm soát tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Nhà nước có thể can thiệp vào nền kinh tế Việt Nam và đôi lúc tạo ra những thay đổi quan trọng về chính sách, bao gồm cả thay đổi cơ chế kiểm soát lương và giá cả, quản lý vốn và ngoại hối và hạn chế đối với hàng hóa xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu. Các thay đổi chính sách đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của MML.

Tình hình kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của MML. Các yếu tố đã và có khả năng tiếp tục ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam bao gồm những đợt bùng phát dịch bệnh Ebola, Mers-CoV, dịch cúm gia cầm A (H5N1), dịch tả lợn châu Phi (ASF) và dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 hoặc các bệnh dịch truyền nhiễm khác xảy ra gần đây và có khả năng xảy ra trong tương lai; biến động tỷ giá; tỷ lệ lạm phát cao và việc NHNN tăng lãi suất; thay đổi về thuế; các thiên tai, bao gồm cả sóng thần, hỏa hoạn, lũ lụt và các thảm họa tương tự khác; việc tăng giá dầu; sự phát triển về chính sách, chính trị hoặc kinh tế khác ở Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến Việt Nam, và các xu hướng kinh tế toàn cầu mang tính tiêu cực bao gồm khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến những đợt điều chỉnh trên

thị trường bất động sản và chứng khoán, thiếu nguồn cung vốn, suy giảm mang tính hệ quả đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và đình trệ tăng trưởng kinh tế.

MML không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Tuy nhiên, MML luôn cam kết nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của MML

Theo số liệu của Tổng Cục thống kê, từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hai con số. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2020, NHNN đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 1,84% năm 2014, 0,6% năm 2015, 4,74% năm 2016, 3,53% cho năm 2017, 3,54% cho năm 2018, 2,79% cho năm 2019 và 3,23% cho năm 2020. Trong 8 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ lạm phát tăng 1,79% so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 đến nay. Mặt bằng lãi suất huy động năm 2020 và 8 tháng đầu năm 2021 duy trì ổn định; lãi suất cho vay trung bình hầu như không đổi nhưng một số tổ chức tín dụng đã có chính sách giảm lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch Covid-19 trong thời gian gần đây.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong thời gian tới khi giá dầu có xu hướng tăng dần trở lại và nền kinh tế được dự báo phục hồi khi Việt Nam bắt đầu mở cửa dần trở lại sau một thời gian giãn cách xã hội chặt chẽ. Nếu lạm phát của Việt Nam tăng cao đáng kể thì chi phí của Công Ty, bao gồm cả chi phí nguyên liệu thô, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng. Nếu MML không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và mức lãi suất cho vay cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và niềm tin của người tiêu dùng nói chung, và do đó ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn phải chịu các rủi ro gắn liền với một nền kinh tế mới nổi

Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải chịu các rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Các nhà đầu tư tại các thị trường mới nổi, như Việt Nam, nên lưu ý rằng các thị trường mới nổi này có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các nền kinh tế đã phát triển, trong một số trường hợp bao gồm rủi ro đáng kể về kinh tế và pháp lý. Hơn thế nữa, những thay đổi chính sách quản lý của nhà nước cũng như việc diễn giải về mặt pháp lý đối với pháp luật áp dụng có thể gây ra các hệ quả không lường trước mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh trong nước. Các nhà đầu tư cũng nên lưu ý rằng các nền kinh tế mới nổi như nền kinh tế Việt Nam thường biến đổi một cách nhanh chóng. Do đó, các nhà đầu tư nên thận trọng trong việc đánh giá các rủi ro có liên quan và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp có tính đến các rủi ro đó. Nhìn chung, hoạt động đầu tư ở các thị trường mới nổi chỉ phù hợp cho những nhà đầu tư có tổ chức và chuyên nghiệp và có khả năng đánh giá một cách toàn diện các rủi ro có liên quan và ảnh hưởng của các rủi ro đó.

Xếp hạng tín dụng của Việt Nam và các công ty Việt Nam giảm có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến Tổ Chức Niêm Yết và khả năng huy động vốn của MML

Tổ chức xếp hạng tín dụng Standard & Poor's Financial Services và các cơ quan xếp hạng tín dụng khác có thể sẽ thay đổi xếp hạng tín dụng của Việt Nam hoặc của các công ty Việt Nam. Việc thay đổi xếp hạng như vậy có thể ảnh hưởng bất lợi đến tính thanh khoản trong các thị trường tài chính của Việt Nam, đến khả năng của Chính Phủ và các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả MML, trong việc huy động vốn bổ sung, và có thể tác động đến lãi suất và các điều khoản thương mại khác mà việc huy động vốn bổ sung được thực hiện trên cơ sở lãi suất và các điều khoản thương mại khác đó. Tất cả các yếu tố đó có thể tác động bất lợi đáng kể đến Công Ty.

2. Rủi Ro Về Luật Pháp***Những thay đổi cơ bản đối với các quy định pháp luật của Việt Nam có thể tác động không tích cực đến hoạt động của Công Ty***

Hoạt động kinh doanh chủ chốt của Công Ty là sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất thịt mát và các sản phẩm chế biến từ thịt. Những sản phẩm này tuy không thuộc diện hàng hóa thực hiện bình ổn giá, có sự điều tiết của Nhà nước nhưng thuộc diện hàng hóa phải thực hiện kê khai, niêm yết giá. Ngành hàng sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi và chế biến thịt chịu sự điều chỉnh của các luật và quy chế về bảo vệ môi trường, các quy định về điều kiện sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm của Việt Nam. Các luật, quy chế và quy định nêu trên được đặt ra nhằm hạn chế ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, kiểm soát tình trạng làm môi trường xuống cấp và ô nhiễm, đảm bảo quyền lợi của khách hàng, bảo vệ an toàn và sức khỏe cho người tiêu dùng Việt Nam cũng như để hỗ trợ sự phát triển của ngành chăn nuôi tại Việt Nam. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các luật và quy chế đó sẽ bị xử phạt. Công Ty không thể bảo đảm rằng các luật, quy chế và quy định nêu trên của Việt Nam sẽ không thay đổi trong tương lai, hoặc Chính Phủ sẽ không áp đặt các luật và quy chế nghiêm khắc hơn đối với các lĩnh vực đó. Những thay đổi đó có thể đòi hỏi Công Ty phải sửa đổi cơ chế hoạt động hoặc dẫn đến việc gia tăng chi phí để tuân thủ các thay đổi đó, và do vậy ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Pháp luật thuế Việt Nam thay đổi

Tất cả các luật và quy định về các khoản thuế chính ở Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu) đã được ban hành và vẫn đang tiếp tục được bổ sung và làm rõ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thu và nộp thuế. Các thay đổi về tình trạng thuế của Tổ Chức Niêm Yết hoặc luật thuế hoặc các cách diễn giải khác nhau về pháp luật và chính sách thuế ở Việt Nam nhìn chung có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công Ty và làm tăng nghĩa vụ thuế mà Công Ty phải chịu.

3. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Hoạt Động Của Tổ Chức Niêm Yết**3.1. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Ngành*****MML phải đối mặt với rủi ro xảy ra tình trạng khiếm khuyết của sản phẩm và bất kỳ vụ khiếm khuyết nào như vậy sẽ khiến Công Ty có nguy cơ bị khiếu nại về trách nhiệm đối với sản phẩm***

Khiếm khuyết của sản phẩm bao gồm những ẩn tỳ, nội tỳ chưa được phát hiện trong quá trình sản xuất sản phẩm là một rủi ro vốn có trong hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi và chế biến thực phẩm.

Đặc biệt, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm trong những năm gần đây ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm từ phía người tiêu dùng cũng như các cơ quan chức năng. Mặc dù MML đã nỗ lực tối đa, bao gồm cả việc kiểm tra thường xuyên tại nhà máy sản xuất từ nguyên vật liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng, nhưng Công Ty không thể hoàn toàn loại trừ nguy cơ từ nguyên nhân khách quan. Do vậy, Công Ty có thể bị khiếu nại liên quan đến tình trạng khiếm khuyết của sản phẩm và có thể phải thu hồi sản phẩm. Mặc dù Việt Nam không có các chính sách cụ thể về trách nhiệm sản phẩm, MML không thể đảm bảo rằng Công Ty sẽ không phải đối mặt với khiếu nại hoặc kiện tụng về sự an toàn và chất lượng của các sản phẩm của Công Ty. Hơn nữa, hoạt động kinh doanh của Công Ty có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể do việc công bố các phát hiện mang tính tiêu cực của ngành, các báo cáo nghiên cứu hoặc quan ngại về vệ sinh an toàn liên quan đến sản phẩm của Công Ty hoặc về các sản phẩm của các ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi và chế biến thực phẩm tại Việt Nam nói chung. Những công bố tiêu cực như vậy có thể làm giảm nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm Công Ty và dẫn đến tình trạng tụt giảm doanh số dài hạn hoặc thậm chí sụt giảm doanh số của Công Ty một cách liên tục.

Các rủi ro liên quan đến dịch bệnh trong chăn nuôi

Ngành chăn nuôi ở Việt Nam thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ dịch bệnh do khí hậu đặc thù, quy mô và quy chuẩn chăn nuôi cũng như phần lớn đến từ chất lượng con giống yếu. Do vậy, vật nuôi thường thiếu khả năng vượt bệnh, bệnh dịch có thể lây lan từ khu vực này qua khu vực khác. Ví dụ bệnh lở mồm long móng (FMD), bệnh tiêu chảy cấp tính của heo con (PED) và bệnh tai xanh (PRRS) là những bệnh dịch đặc thù thường xảy ra ở Việt Nam trong nhiều năm qua và năm nào cũng gây tổn hại rất lớn cho người chăn nuôi. Từ đầu năm 2019, dịch tả lợn châu Phi (ASF) lan truyền tại khắp Việt Nam ảnh hưởng nặng nề đến ngành chăn nuôi, làm giảm số lượng đàn vật nuôi đáng kể và đây chính là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi khiến cho nguồn nguyên liệu đầu vào của hoạt động sản xuất thịt mát và các sản phẩm chế biến từ thịt khan hiếm và có nhiều biến động về giá cả do cung không đáp ứng cầu. Tuy nhiên, Công Ty có chính sách quản lý rủi ro liên quan đến dịch bệnh thông qua việc xây dựng quy trình chăn nuôi theo quy mô khép kín, áp dụng cơ chế phòng thủ 3 tuyến để ứng phó khi có dịch bệnh và có dự phòng tài chính cần thiết cho các hoạt động này.

Các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia ký kết như Hiệp Định Đối Tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) hay các hiệp định thương mại tự do của ASEAN có thể tác động bất lợi đến hoạt động kinh doanh của chúng tôi

Khi Việt Nam tham gia các hiệp định về tự do thương mại như Hiệp định TPP, Hiệp định EVFTA hay các hiệp định thương mại tự do của ASEAN, ngành chăn nuôi của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh trực tiếp với các sản phẩm nhập khẩu với giá thành rẻ hơn trong khi chưa có cơ chế phù hợp để Việt Nam có thể xuất khẩu thịt ra các thị trường tiềm năng trên thế giới nhằm tăng trưởng và thúc đẩy ngành chăn nuôi nói chung và chăn nuôi heo nói riêng. Nguy cơ ngành chăn nuôi Việt Nam bị co hẹp hoặc phải chịu sức ép giảm giá thành sản phẩm để cạnh tranh sẽ dẫn đến áp lực giảm giá đối với ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi cũng như ngành chăn nuôi và chế biến thực phẩm có nguồn gốc từ thịt. Nếu các sản phẩm của Công Ty không có lợi thế về giá thành và chi phí sản xuất để cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu, hoạt động của Công Ty sẽ chịu nhiều rủi ro.

3.2. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Lĩnh Vực Hoạt Động

Hoạt động sản xuất và kinh doanh nông nghiệp tiêu dùng của MML đòi hỏi nguồn nguyên liệu đầy đủ và ổn định, do đó Tổ Chức Niêm Yết chịu rủi ro về biến động giá nguyên liệu và các rủi ro khác

Nguyên liệu được Công Ty mua tại Việt Nam và nhập khẩu từ nước ngoài thông qua các công ty trung

gian. Mặc dù Công Ty mua nguyên liệu từ nhiều nhà cung cấp và không lệ thuộc vào bất kỳ nhà cung cấp duy nhất nào, Công Ty không đảm bảo rằng tình trạng thiếu hụt nguyên liệu sẽ không xảy ra. Nếu Công Ty không có được đầy đủ nguyên liệu cả về lượng cũng như về chất, chất lượng sản phẩm, sản lượng sản xuất cũng như doanh thu của Công Ty sẽ bị ảnh hưởng xấu.

Giá nguyên liệu có thể biến động do ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như điều kiện thời tiết, môi trường, biến động giá cả hàng hóa, tiền tệ và những thay đổi trong chính sách của Chính Phủ liên quan tới lĩnh vực nông nghiệp. Nếu Công Ty không thể quản lý các chi phí này cũng như tăng giá bán các sản phẩm của Công Ty lên tương ứng thì công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng của Công Ty sẽ bị ảnh hưởng.

Để giảm thiểu ảnh hưởng các rủi ro về nguyên vật liệu, Công Ty luôn theo dõi tình hình biến động giá cả trên thị trường trong nước và thế giới, có chính sách phòng ngừa giá (hedging) phù hợp. Công Ty cũng không phụ thuộc vào một nhà cung cấp nào mà sử dụng nhiều nhà cung cấp khác nhau để tránh rủi ro tập trung.

MML phụ thuộc vào mạng lưới phân phối đã có sẵn

MML phụ thuộc rất nhiều vào quan hệ với mạng lưới các nhà phân phối để tiêu thụ sản phẩm. Trong trường hợp các công ty đối thủ của Công Ty chào mời các điều kiện thuận lợi hơn hoặc các ưu đãi lớn hơn cho các nhà phân phối của Công Ty, các nhà phân phối này có thể lựa chọn chấm dứt các hợp đồng phân phối với Công Ty. Trong trường hợp quan hệ của Tổ Chức Niêm Yết với số lượng lớn các nhà phân phối bị xấu đi do các hành động của các công ty đối thủ, tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công Ty sẽ bị ảnh hưởng. Tuy rằng sự cạnh tranh trong mạng lưới phân phối là vấn đề chung mà tất cả các công ty cùng ngành đều luôn phải đối mặt, Công Ty vẫn luôn tích cực thắt chặt quan hệ kinh doanh với các nhà phân phối hiện có, đồng thời chủ động mở rộng mạng lưới phân phối để tăng sức cạnh tranh và giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh từ việc cạnh tranh thị phần. Thêm vào đó, việc sáp nhập VCM – một công ty dẫn đầu về hệ thống bán lẻ theo tiêu chuẩn quốc tế có quy mô lớn nhất Việt Nam cũng giúp MSN – công ty mẹ của MML – gián tiếp sở hữu nền tảng bán lẻ lớn về số lượng điểm bán và thị phần kênh bán lẻ hiện đại, giảm sự phụ thuộc và các mạng lưới phân phối bên ngoài.

Không duy trì hình ảnh thương hiệu tích cực có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, kết quả tài chính và hình ảnh thương hiệu của Công Ty

Thành công của MML phụ thuộc vào việc các sản phẩm mà Công Ty sản xuất và phân phối có hình ảnh thương hiệu tích cực với khách hàng và người tiêu dùng, trong đó phải kể đến thương hiệu như MEATDeli đã dần trở nên quen thuộc trong mỗi bữa ăn gia đình người Việt, thương hiệu Bio-zeem cũng trở thành thương hiệu thức ăn chăn nuôi được sử dụng với những ưu việt về cải thiện năng suất đối với người chăn nuôi. Ngoài ra, các vấn đề về chất lượng sản phẩm, trên thực tế hoặc theo hình dung, hoặc cáo buộc về khiếm khuyết sản phẩm, thậm chí ngay cả khi không sai hoặc không có cơ sở, có thể làm xấu đi hình ảnh của các thương hiệu bị ảnh hưởng và có thể làm cho các khách hàng và người tiêu dùng chọn các sản phẩm khác. Công Ty có thể phải chịu trách nhiệm nếu việc tiêu thụ sản phẩm của Công Ty mang lại những trải nghiệm tiêu cực cho khách hàng. Do vậy, bên cạnh các biện pháp quản lý sản phẩm, Công Ty cũng có các chính sách về bảo hành và thu hồi sản phẩm, và chính sách đổi lại sản phẩm đạt chất lượng cho khách hàng nếu sản phẩm bị khiếm khuyết, hoặc bị hư hỏng hoặc bị gắn nhãn hiệu sai.

MML có thể không đủ khả năng để bồi thường những thiệt hại do hỏa hoạn, trộm cắp, thiên tai và bảo hiểm ảnh hưởng đến các cơ sở sản xuất của Công Ty

Bất kỳ vụ hỏa hoạn, trộm cắp hay thiên tai sẽ dẫn đến tổn thất hoặc thiệt hại đáng kể cho các nhà máy sản xuất của chúng tôi và có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất. Điều này sẽ dẫn đến sự chậm trễ trong việc cung cấp các sản phẩm của Công Ty cho các khách hàng hoặc các thương nhân. Sự chậm trễ này sẽ ảnh hưởng đến danh tiếng của MML, gây ra tổn thất về mặt kinh doanh và ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả tài chính. Mặc dù Công Ty luôn ký kết các hợp đồng bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm vận chuyển hàng hóa, Công Ty không đảm bảo rằng các hợp đồng bảo hiểm này là đủ để bù đắp cho các chi phí thay thế máy móc và sửa chữa các cơ sở sản xuất của Công Ty, MML cũng như các doanh nghiệp khác ở Việt Nam không có bảo hiểm gián đoạn kinh doanh.

3.3. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Công Ty

Nhận diện thương hiệu là hết sức quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của MML và bất kỳ sự thất bại nào trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty

Thành công của MML phụ thuộc một phần vào khả năng của Công Ty trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, như nhãn hiệu hàng hóa cho các thương hiệu, bao gồm cả MEATDeli, ANCO, Proconco và Bio-zeem. MML đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm của Công Ty, chủ yếu tại Việt Nam, Công Ty sẽ tiếp tục việc gia hạn nhãn hiệu hàng hóa đối với các chứng nhận đã hết hạn và thực hiện đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm mới, Công Ty không thể đảm bảo rằng bất kỳ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu nào đã nộp hoặc sẽ nộp sẽ thành công hoặc bất kỳ nhãn hiệu hiện tại hoặc tương lai nào sẽ được gia hạn khi hết hạn, hoặc sẽ không được công nhận, làm mất hiệu lực hoặc bị lạm dụng bởi các đối thủ cạnh tranh. Bất kỳ sự thất bại nào của MML trong việc bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa chống lại sự xâm phạm hoặc lạm dụng từ phía đối thủ cạnh tranh sẽ làm suy yếu vị thế cạnh tranh và uy tín sản phẩm, qua đó dẫn đến sự suy giảm sản lượng tiêu thụ và ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động của Công Ty.

Trong trường hợp các bên thứ ba làm giả, làm nhái sản phẩm của chúng tôi một cách bất hợp pháp, Công Ty có thể đối mặt với những khó khăn đáng kể và phải chịu chi phí trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Nếu không thể bảo vệ hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ, danh tiếng của thương hiệu và hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng MML có thể bị ảnh hưởng.

Do đó, Công Ty phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan quản lý Nhà nước để tiếp tục đăng ký, gia hạn nhãn hiệu hàng hóa để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của Công Ty.

Hoạt động kinh doanh của MML mang tính mùa vụ

Doanh số của Công Ty bị ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ. Sản lượng tiêu thụ có thể có nhiều biến động trong một năm tài chính do một số nguyên nhân bao gồm cả thời điểm ra mắt các sản phẩm mới và thời điểm thực hiện các chiến dịch quảng cáo và khuyến mãi. Do đó, Công Ty có thể không đạt được công suất trong mùa cao điểm và bị dư công suất trong mùa thấp điểm.

MML có thể không thành công trong việc phát triển sản phẩm mới

Sản phẩm hàng tiêu dùng của MML có được sự đón nhận từ phía người tiêu dùng hay không phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của Công Ty trong việc nắm bắt được khẩu vị, nhu cầu và sự thay đổi thị hiếu của người tiêu dùng. Chúng tôi không đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm mới của chúng tôi sẽ được người tiêu dùng đón nhận. Mặc dù trước khi tung ra thị trường sản phẩm mới, MML luôn tiến hành nghiên cứu thị trường và đánh giá thị hiếu của người tiêu dùng đối với sản phẩm đó một cách toàn diện, sự thay đổi về khẩu vị của người tiêu dùng cũng như khả năng thất bại của Công Ty trong việc dự đoán, tìm ra và phát

triển các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng vẫn có thể xảy ra. Điều này khiến Công Ty không thể bù đắp được chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí tiếp thị và qua đó ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của Công Ty. Nếu sản phẩm mới thất bại, Công Ty sẽ không thể thu hồi được chi phí cho việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm và điều này sẽ ảnh hưởng xấu đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Khả năng của MML trong việc giới thiệu sản phẩm mới và duy trì và mở rộng năng lực sản xuất của Công Ty phụ thuộc vào việc tiếp tục có thêm chi phí đầu tư, bao gồm xây dựng nhà máy mới, duy trì và nâng cấp các nhà máy hiện có của Công Ty và thay thế thiết bị sản xuất lạc hậu

Ngoài ra, Công Ty có thể cần phải huy động thêm vốn vay hoặc vốn cổ phần để cấp vốn cho hoạt động đầu tư trong tương lai và các chi phí đầu tư cho mục đích xây dựng các nhà máy và mở rộng kinh doanh. Việc huy động thêm vốn vay cho các mục đích trên, có thể sẽ:

- hạn chế khả năng chi trả cổ tức của Công Ty;
- tăng nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế bất lợi chung;
 - buộc Công Ty phải dành một phần đáng kể của dòng tiền mặt từ các hoạt động cho nghĩa vụ trả nợ, do đó làm giảm sự sẵn có của dòng tiền mặt để tài trợ cho chi phí đầu tư, vốn lưu động và các mục đích chung khác của Tổ Chức Niêm Yết; và
- hạn chế tính linh hoạt của Công Ty trong việc lập kế hoạch cho, hoặc đối phó với những thay đổi trong hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi không thể đảm bảo rằng Công Ty sẽ có thể huy động thêm được vốn vay hoặc được cấp thêm vốn với các điều khoản có thể chấp nhận được, hoặc dưới bất kỳ hình thức nào.

Hoạt động của MML sẽ bị ảnh hưởng xấu nếu thời gian bảo dưỡng của thiết bị kéo dài

Thời gian ngừng hoạt động để bảo dưỡng của thiết bị kéo dài có thể gây gián đoạn nghiêm trọng đến hoạt động của MML, đặc biệt khi chúng tôi hoạt động với hoặc gần hết công suất tối đa và thiết bị cần phải được sửa chữa, bảo dưỡng thay vì được sử dụng cho sản xuất. Ngoài ra, một phần lớn nguyên vật liệu và tất cả các thực phẩm, đồ uống và thức ăn chăn nuôi thành phẩm của chúng tôi là dễ hư hỏng và thời gian bảo dưỡng kéo dài của thiết bị có thể làm cho các sản phẩm này không thích hợp cho tiêu dùng. Mặc dù MML trước đây chưa gặp phải sự cố thời gian bảo dưỡng kéo dài của thiết bị nào như vậy, nhưng chúng tôi không thể đảm bảo rằng điều này sẽ không xảy ra trong tương lai. Trong trường hợp đó, khả năng của Công Ty trong việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng và uy tín của Công Ty có thể bị ảnh hưởng.

MML có số lượng hạn chế các hợp đồng dài hạn liên quan đến việc cung cấp nguyên vật liệu hoặc bán các sản phẩm của chúng tôi

MML không ký các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp và thường tham gia các giao dịch đó trên cơ sở tại chỗ, Công Ty phụ thuộc nhiều vào sức mạnh uy tín của Công Ty với tư cách là công ty đứng đầu thị trường và quy mô hoạt động và Công Ty tin rằng các nhà cung cấp của Công Ty xem Công Ty như là một đối tác đáng tin cậy. Mặc dù Công Ty tin tưởng rằng mối quan hệ lâu dài của Công Ty với nông dân địa phương, ví dụ, khuyến khích họ bán ngũ cốc cho Công Ty với giá thị trường, nhưng Công Ty không thể đảm bảo rằng điều này sẽ tiếp tục trong tương lai do các bên không có sự ràng buộc với nhau bằng các hợp đồng dài hạn. Những công ty mới tham gia thị trường có thể tiếp cận nông dân địa phương và tìm cách mua ngũ cốc của họ với mức giá cao hơn mức giá mà Công Ty đưa ra.

Rất nhiều khách hàng của Công Ty hoạt động thông qua các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng ngắn hạn. Một

số nông dân không sẵn sàng ký kết các hợp đồng dài hạn, họ thích sự linh hoạt của các hợp đồng ngắn hạn hơn. Trong ngành kinh doanh nuôi trồng thủy sản, phần lớn thức ăn cho cá, tôm mà chúng tôi hiện đang sản xuất được bán trực tiếp cho nông dân địa phương và các đại lý độc lập ở khắp Việt Nam. Mặc dù đặt mục tiêu gia hạn hợp đồng khi hết hạn, Công Ty không thể đảm bảo rằng các nhà cung cấp và khách hàng sẽ không tìm kiếm điều khoản có lợi hơn từ một trong những đối thủ cạnh tranh. Do vậy, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Tổ Chức Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể. Tuy nhiên, do Công Ty không phụ thuộc vào một nhà cung cấp hay một khách hàng lớn nào nên Công Ty có thể linh hoạt tìm kiếm các đối tác mới để hạn chế rủi ro này.

4. Rủi Ro Liên Quan Đến Trái Phiếu

Trái Phiếu không được bảo đảm bằng tài sản

Trái Phiếu không được bảo đảm bằng bất kỳ tài sản nào. Do vậy, chủ sở hữu trái phiếu sẽ không có quyền truy đòi trực tiếp đối với tài sản của Tổ Chức Niêm Yết hay bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác như là tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu. Trái Phiếu cũng sẽ không được thanh toán từ các tài sản đã được Tổ Chức Niêm Yết sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ khác của Tổ Chức Niêm Yết trong trường hợp các tài sản đó không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm tương ứng. Tuy nhiên, các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Niêm Yết liên quan đến Trái Phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi MSN.

Trong trường hợp Tổ Chức Niêm Yết bị phá sản hoặc thanh lý, tài sản đảm bảo cho các khoản nợ được bảo đảm của Tổ Chức Niêm Yết trước hết sẽ được xử lý để trả nợ cho chủ nợ của các khoản nợ có tài sản đảm bảo. Chỉ sau khi các khoản nợ có bảo đảm đã được thanh toán hết bằng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm thì số tiền còn lại (nếu có) từ việc xử lý tài sản bảo đảm mới được sử dụng để thanh toán cho các chủ nợ không có bảo đảm và các nghĩa vụ khác của Tổ Chức Niêm Yết, bao gồm các chủ sở hữu Trái Phiếu. Tóm lại, trong trường hợp này, các chủ sở hữu Trái Phiếu được xem là các chủ nợ không có bảo đảm của Tổ Chức Niêm Yết, và vì vậy sẽ có thứ tự ưu tiên thanh toán (đối với các Trái Phiếu) ngang bằng với các chủ nợ không có bảo đảm khác của Tổ Chức Niêm Yết theo tỷ lệ tương ứng. Không có gì bảo đảm rằng Tổ Chức Niêm Yết có đủ tài sản để thanh toán các khoản tiền đến hạn của Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Niêm Yết bị phá sản hay thanh lý.

Tuy nhiên, Tổ Chức Niêm Yết luôn nghiên cứu kỹ khả năng thanh toán các khoản gốc, lãi và các loại chi phí phát sinh có liên quan trước khi thực hiện phát hành các loại chứng khoán ra công chúng. Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh các năm vừa qua, cũng như triển vọng kinh doanh trong tương lai, doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Niêm Yết vẫn đủ để đảm bảo cho việc thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu đúng hạn cho chủ sở hữu trái phiếu nếu không có sự kiện bất khả kháng nào xảy ra.

Bảo lãnh cho Trái Phiếu có giới hạn truy đòi trong phạm vi tài sản của bên bảo lãnh

Các quyền của chủ sở hữu trái phiếu với tư cách là các bên nhận bảo lãnh chỉ giới hạn ở phạm vi tài sản của công ty mẹ của Tổ Chức Niêm Yết là MSN. Ngoài Tổ Chức Niêm Yết, các chủ sở hữu trái phiếu không có bất kỳ quyền nào đối với bất kỳ thành viên, cổ đông hay người có liên quan khác nào và các công ty con và công ty liên kết của Bên Bảo Lãnh, cũng như tài sản của bất kỳ tổ chức/cá nhân nào trong số họ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Mặc dù Trái Phiếu sẽ được thực hiện niêm yết sau khi phát hành thành công, tuy nhiên Tổ Chức Niêm Yết không thể đảm bảo rằng sẽ có một thị trường giao dịch sôi động cho các Trái Phiếu, cũng như không thể bảo đảm được tính thanh khoản của các Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp đó. Giả thiết có thị trường giao

dịch cho Trái Phiếu thì Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự.

Quyền đối với Trái Phiếu của chủ sở hữu trái phiếu có thể bị hạn chế

Theo quy định tại các văn kiện Trái Phiếu có liên quan, khi xảy ra một sự kiện vi phạm, chủ sở hữu trái phiếu phải thực hiện quyền của mình đối với Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chứ không được tự mình chủ động thực hiện quyền.

Việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền này cũng phụ thuộc vào các điều kiện khác, như Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được tuyên bố xảy ra sự kiện vi phạm và yêu cầu Tổ Chức Niêm Yết mua lại Trái Phiếu nếu có nghị quyết chấp thuận của các chủ sở hữu trái phiếu hoặc chỉ được tiến hành các thủ tục tố tụng đối với Tổ Chức Niêm Yết sau khi Tổ Chức Niêm Yết không đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ mua lại của mình.

Đây là những quy định chặt chẽ, có thể ảnh hưởng đến quyền tự quyết của chủ sở hữu trái phiếu. Vì thế Tổ Chức Niêm Yết khuyến nghị nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến tư vấn đầy đủ trước khi đầu tư vào Trái Phiếu.

5. Rủi Ro Khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của MML còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, đình công, đảo chính, chiến tranh... là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa và dự kiến của Tổ Chức Niêm Yết. Mặc dù Công Ty đã mua bảo hiểm rủi ro tài sản cho các tài sản của mình, các rủi ro này, nếu xảy ra, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ Chức Niêm Yết****CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Ông Danny Le Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Trung Lâm Chức vụ: Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật

Ông Huỳnh Việt Thăng Chức vụ: Chủ tịch UBKT

Ông Trần Quang Bé Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ Chức Tư Vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (“TCBS”)**

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền Chức vụ: Tổng Giám đốc (văn bản ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu Hiền thực hiện một số công việc liên quan đến hoạt động của TCBS số 010/2018/UQ-CT ngày 14/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu ra công chúng, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết với Công ty Cổ Phần Masan MEATLife. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ Phần Masan MEATLife cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

3F:	Thức Ăn Chăn Nuôi-Trang Trại-Thực Phẩm
ANCO:	Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế, một công ty do MML sở hữu cổ phần chi phối, hoặc nhóm công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản thuộc MML, hoặc thương hiệu “ANCO”, tùy từng trường hợp áp dụng
Bản Cáo Bạch:	Bản cáo bạch này
BCTC:	Báo cáo tài chính
Chính Phủ:	Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Công Ty/ MML / Tổ Chức Niêm Yết:	Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife
DTT:	Doanh thu thuần
Đại Hội Đồng Cổ Đông/ ĐHDCĐ:	Đại hội đồng cổ đông của Tổ Chức Niêm Yết
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
EU:	Liên minh Châu Âu
HĐQT:	Hội đồng quản trị
KCN:	Khu công nghiệp
Luật Doanh Nghiệp:	Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm
LNG:	Lợi nhuận gộp
MSN:	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan
MNS Farm:	Công Ty TNHH MNS Farm, một công ty do MNS Meat sở hữu toàn bộ
MNS Farm Nghệ An:	Công Ty TNHH MNS Farm Nghệ An (trước đây có tên là Công Ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A)), một công ty do MNS Farm sở hữu toàn bộ

MNS Feed:	Công Ty TNHH MNS Feed (trước đây có tên là Công Ty TNHH Masan Nutri-Feed), một công ty do MML sở hữu phần vốn góp chi phối
MNS Meat:	Công Ty TNHH MNS Meat (trước đây có tên là Công Ty TNHH Masan Nutri-Farm), một công ty do MML sở hữu phần vốn góp chi phối
MNS Meat Processing:	Công Ty TNHH MNS Meat Processing, một công ty do MNS Meat sở hữu toàn bộ
MNS Meat Hà Nam:	Công Ty TNHH MNS Meat Hà Nam, một công ty do MNS Meat Processing sở hữu toàn bộ
NHNN:	Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam
Proconco:	Công Ty Cổ Phần Việt – Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc, một công ty do MNS Feed sở hữu cổ phần chi phối, hoặc nhóm công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản thuộc Công Ty, hoặc thương hiệu “Proconco”, tùy từng trường hợp áp dụng
R&D:	Nghiên cứu và phát triển
TCBS/ Tổ Chức Tư Vấn:	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương
TGD:	Tổng Giám đốc
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TTNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
UBCKNN:	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
UBKT	Ủy Ban Kiểm Toán
UPCoM:	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
USD/ Đô La Mỹ:	Đô la Mỹ, đơn vị tiền hợp pháp của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ
VCM:	Công Ty CP Phát Triển Thương Mại Và Dịch Vụ VCM
VSD:	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam
Vissan:	Công Ty Cổ Phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản, một công ty liên kết của ANCO
VND/ Đồng/ Đồng Việt Nam:	Đồng Việt Nam, đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam


Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa

trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển

1.1. Giới Thiệu Chung Về Tổ Chức Niêm Yết

- Tên Tổ Chức Niêm Yết : Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife (“**Tổ Chức Niêm Yết**”)
- Tên tiếng anh : Masan MEATLife Corporation
- Tên viết tắt : MML
- Logo : **MASAN**

- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0311224517 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2011, được sửa đổi lần 17 ngày 14 tháng 12 năm 2020
- Trụ sở chính : Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84-(28)-6256 3862
- Fax : +84-(28)-3827 4115
- Website : <https://masanmeatlife.com.vn>
- Vốn điều lệ đã đăng ký : 3.267.148.470.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 3.267.148.470.000 VND
- Người đại diện theo pháp luật : - Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Trung Lâm – Tổng Giám đốc
- Mã chứng khoán : MML
- Sàn giao dịch : Upcom
- Ngành nghề kinh doanh chính :

STT	Ngành nghề kinh doanh chính	Mã ngành
-----	-----------------------------	----------

1	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật) (CPC: 86509)</i>	7020 (Chính)
---	---	-----------------

1.2. Quá Trình Hình Thành, Phát Triển

Tổ Chức Niêm Yết được chứng nhận thành lập vào ngày 07 tháng 10 năm 2011 dưới hình thức công ty cổ phần. Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, vốn điều lệ được đăng ký của Tổ Chức Niêm Yết là 3.267.148.470.000 VND (ba nghìn hai trăm sáu mươi bảy tỷ một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn Đồng). Các sự kiện quan trọng trong quá trình thành lập và hoạt động của MML được trình bày dưới đây:

- Năm 2011**
 - Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife được thành lập vào ngày 07/10/2011, với tên gọi là Công ty TNHH Một thành viên Hoa Kim Ngân với vốn điều lệ là 10.000.000 Đồng, với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311224517, ngành nghề kinh doanh chính là tư vấn quản lý
- Năm 2012**
 - Ngày 28/11/2012, Công Ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Sam Kim
- Năm 2014**
 - Ngày 13/06/2014, Công Ty thay đổi chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật
 - Ngày 07/07/2014, Công Ty tăng vốn điều lệ lên 2.000.010.000.000 Đồng bằng cách tiếp nhận thành viên góp vốn mới với mục đích để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh, đồng thời thay đổi tên và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH Sam Kim
 - Đồng thời, vào tháng 7/2014, Công Ty nhận chuyển nhượng 70% cổ phần trong Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc Tế (“ANCO”) từ các cổ đông hiện hữu của ANCO và ANCO trở thành công ty con của Tổ Chức Niêm Yết
 - Ngày 01/8/2014, Công Ty bổ sung một số ngành nghề kinh doanh về bán buôn thực phẩm, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm... đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty vào thời điểm này khi theo đuổi định hướng phát triển theo nền tảng 3F (Feed – Farm – Food: Từ Trang Trại Đến Bàn Ăn)
 - Cuối năm 2014, Công Ty nhận chuyển nhượng 99,99% phần vốn góp trong Công ty TNHH Shika với giá trị 2.879 tỷ Đồng, một công ty có các công ty con đang sở hữu 40% cổ phần Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”). Giao dịch này làm cho Proconco trở thành công ty liên kết gián tiếp của Tổ Chức Niêm Yết.
- Năm 2015**
 - Tháng 3/2015, Công Ty mua toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Kenji với giá trị 725 tỷ Đồng, một công ty đang sở hữu 13,06% cổ phần Proconco, nâng tổng số cổ phần tại Proconco lên 53,06%. Giao dịch này làm cho Proconco trở thành công ty con gián tiếp của Tổ Chức Niêm Yết.
 - Ngày 31/07/2015, Công Ty trở thành công ty con của MSN và thay đổi tên Công ty thành Công ty TNHH Masan Nutri-Science với vốn điều lệ là 2.000.010.000.000 Đồng.
 - Ngày 07/12/2015, Công Ty thay đổi trụ sở chính và Người đại diện theo pháp luật
- Năm 2016**
 - Cuối năm 2015 và đầu năm 2016, Công Ty (thông qua công ty con) nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Proconco lên 75,15%
 - Ngày 17/03/2016, Công Ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần và thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“MNS”)

- Tháng 5/2016, Công Ty tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp tại ANCO từ 70% lên 99,99% bằng cách nhận chuyển nhượng từ cổ đông của ANCO.
 - Tháng 3/2016 và tháng 6/2016, Công Ty (thông qua ANCO) sở hữu 24,94% Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản (Vissan)
 - Tháng 6/2016, công ty con của Công Ty là ANCO góp vốn thành lập MNS Farm Nghệ An, một doanh nghiệp thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901852878, cấp lần đầu ngày 09/06/2016. MNS Farm Nghệ An khởi công trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao tại Nghệ An vào tháng 11/2016, đánh dấu bước khởi đầu của Công Ty trong lĩnh vực chăn nuôi thông qua việc sở hữu gián tiếp tại MNS Farm Nghệ An.
- Năm 2017**
- Ngày 07/4/2017, Công Ty bổ sung thêm một Người đại diện theo pháp luật của Công Ty
 - Tháng 5/2017, Công Ty tăng vốn điều lệ lên 2.162.172.970.000 VND thông qua việc phát hành thêm 7,5% cổ phần của Công Ty dưới hình thức phát hành riêng lẻ cho VN CONSUMER MEAT II PTE. LTD. với giá trị 150 triệu USD. Sau khi hoàn tất giao dịch trên, phần vốn điều lệ tăng lên là 162 tỷ Đồng và thặng dư vốn cổ phần của công ty tăng lên là 3.200 tỷ đồng.
 - Tháng 8/2017, ANCO góp vốn thành lập MNS Meat Processing, một doanh nghiệp thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314547548, cấp lần đầu ngày 01/08/2017, đánh dấu bước khởi đầu của Công Ty trong lĩnh vực thịt chế biến thông qua việc sở hữu gián tiếp tại MNS Meat Processing.
 - Tháng 9/2017, Công Ty thực hiện tái cấu trúc thông qua việc sáp nhập một số công ty con (Công ty TNHH Kenji, Công ty TNHH Shika và Công ty Cổ phần Meiji) vào Công Ty, tăng vốn điều lệ lên 2.162.182.990.000 VND, phần vốn điều lệ tăng thêm 10,02 triệu Đồng tương ứng với giá trị phần vốn của cổ đông không kiểm soát tại các công ty con này.
- Năm 2018**
- Ngày 09/01/2018, Công Ty thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty
 - Tháng 2/2018, Công Ty khởi công xây dựng Dự án Tổ hợp Chế biến thịt tại Hà Nam nhằm cung cấp thịt mát (fresh chilled meat) đến người tiêu dùng. Dự án này có công suất chế biến khoảng 1.400.000 con heo/năm, tương đương 140.000 tấn/năm bằng công nghệ thịt mát Châu Âu.
 - Tháng 12/2018, Nhà máy Meat Hà Nam chính thức đi vào hoạt động và Công Ty đã giới thiệu thành công ra thị trường sản phẩm thịt mát mang thương hiệu “MEATDeli”
- Năm 2019**
- Tháng 01/2019, MNS Farm Nghệ An được cấp chứng nhận GLOBAL G.A.P vì đã hoàn thành các tiêu chuẩn về nông trại được công nhận quốc tế dành cho việc Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt
 - Ngày 29/7/2019, Công Ty thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - Ngày 21/8/2019, Công Ty tăng vốn điều lệ lên 3.243.274.470.000 VND thông qua việc phát hành cổ phần mới để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (“Cổ phiếu thưởng”)
 - Ngày 25/11/2019, Công Ty được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng
 - Ngày 27/11/2019, Công Ty được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 61/2019/GCNCP-VSD với số lượng chứng khoán đăng ký là 324.327.447 cổ phiếu
- Năm 2020**
- Tháng 10/2020, khánh thành Tổ hợp chế biến thịt MEATDeli Sài Gòn trị giá 1.800 tỷ Đồng tại Long An, có tổng diện tích hơn 20 ha, công suất thiết kế 1,4 triệu con heo/năm

Hiện tại

- Tháng 10/2020, MML đã hoàn tất giao dịch đầu tư góp vốn 613 tỷ Đồng để sở hữu 51% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần 3F Việt - công ty nội địa hàng đầu trong lĩnh vực thịt gia cầm. Khoản rót vốn sẽ được 3F Việt dùng để mở rộng kinh doanh và xây dựng thương hiệu thịt gia cầm vững mạnh.
- Ngày 23/10/2020, Công Ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 3.267.148.470.000 VND thông qua hình thức phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Tháng 12/2020, MML thực hiện giao dịch mua lại phần vốn góp trị giá 1.999.989.111.000 VND để nâng tỷ lệ sở hữu trực tiếp lên 99,99% vốn điều lệ tại Công Ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”) - công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Công Ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311224517 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2011, được sửa đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 12 năm 2020 với vốn điều lệ là 3.267.148.470.000 VND.

1.3. Quá Trình Tăng Vốn Điều Lệ Của Tổ Chức Niêm Yết

Kể từ ngày thành lập đến nay, Công Ty thực hiện 5 lần tăng vốn điều lệ từ 10.000.000 VND lên 3.267.148.470.000 VND, chi tiết như sau:

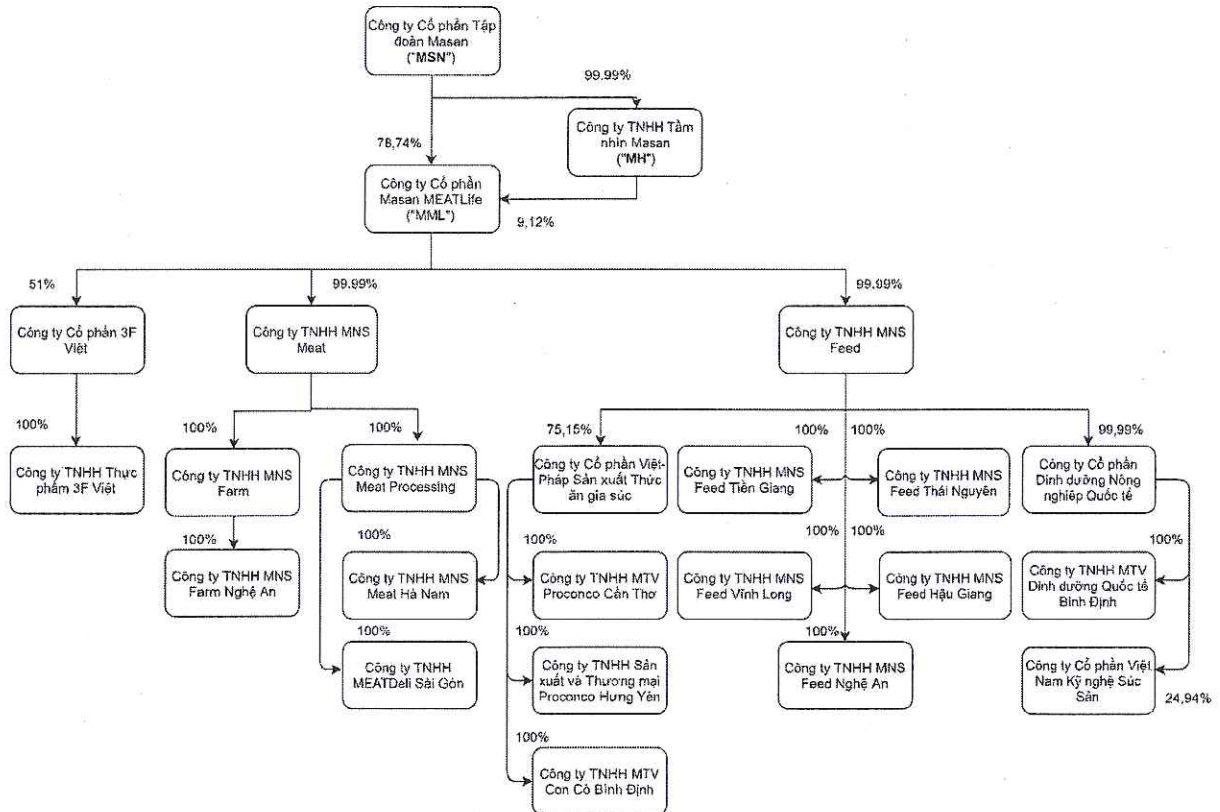
TT	Thời gian tăng vốn	Vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn sau phát hành (Đồng)	Hình thức phát hành	Số lượng phát hành (cổ phiếu)	Giá phát hành (Đồng)/ Tỷ lệ phân bổ quyền	Cơ sở pháp lý
1	7/07/2014	2.000.000.000.000	2.000.010.000.000	Tăng vốn điều lệ bằng cách nhận thêm vốn từ bốn thành viên góp vốn mới	Bổ sung	-	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Quyết định của chủ sở hữu về việc tăng vốn điều lệ (tiếp nhận thêm thành viên góp vốn mới) ➢ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311224517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/10/2011, được sửa đổi lần 03 ngày 07/07/2014
2	22/5/2017	162.162.970.000	2.162.172.970.000	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư là VN CONSUMER MEAT II PTE. LTD	16.216.297	- Giá phát hành: 207.344	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 05/04/2017. ➢ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311224517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/10/2011, được sửa

							đổi lần 09 ngày 22/05/2017.
3	27/9/2017	10.020.000	2.162.182.99 0.000	Sáp nhập Công ty TNHH Kenji, Công ty TNHH Shika và Công ty Cổ phần Meiji vào Công Ty	1.002	- Giá phát hành: 10.000	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 414/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/09/2017. ➤ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311224517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/10/2011, được sửa đổi lần 10 ngày 27/09/2017.
4	29/8/2019	1.081.091. 480.000	3.243.274.47 0.000	Phát hành cổ phần mới cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công Ty	108.109.148	- Giá phát hành: 10.000 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 50%	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 158/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/07/2019. ➤ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311224517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/10 năm 2011, được sửa đổi lần 15 ngày 29/08/2019
5	23/10/2020	23.874.000 .000	3.267.148.47 0.000	Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động	2.387.400	- Giá phát hành: 10.000	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 208/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020. ➤ Quyết định của UBCK số 5554/UBCK-QLCB, ngày 15/09/2020 ➤ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311224517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/10/2011, được sửa đổi lần 16 ngày 23/10/2020. ➤ Công văn số 6202/UBCK-QLCB ngày 16/10/2020 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.

Nguồn: Tổ Chức Niêm Yết

2. Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty

Tại đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu tổ chức của Công Ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:



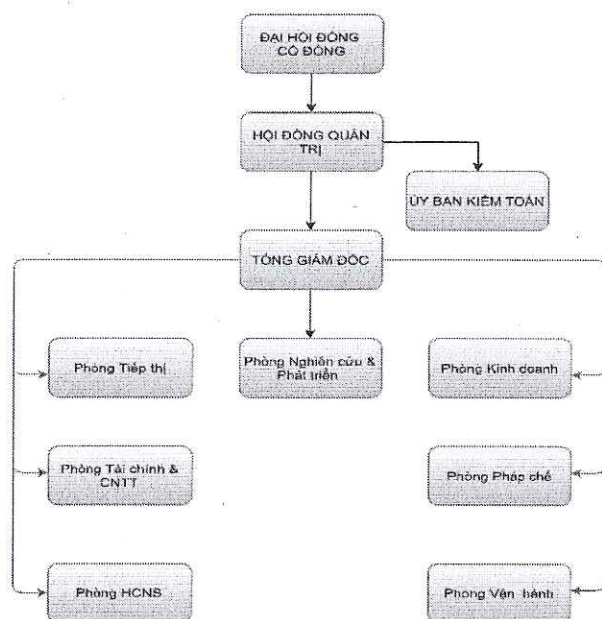
Nguồn: Tổ Chức Niêm Yết

3. Cơ Cấu Bộ Máy Quản Lý Của Công Ty

Tổ chức và hoạt động của Công Ty căn cứ vào các văn bản sau đây:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm;
- Điều Lệ;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Tổ Chức Niêm Yết như sau:



Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ Chức Niêm Yết theo mô hình công ty cổ phần bao gồm:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT;
- Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty.
 - Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ bao gồm: Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán của Công Ty;
 - Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị;
 - Quyết định số lượng thành viên HĐQT;
 - Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT;
 - Quyết định tổng số thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT;
 - Quyết định bổ sung và sửa đổi điều lệ của Công Ty;
 - Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công Ty;
 - Quyết định giải thể Công Ty;
 - Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên HĐQT gây thiệt hại cho Công Ty và/hoặc các cổ đông của Công Ty;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
 - Quyết định việc Công Ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - Quyết định việc Công Ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại điều lệ với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính

hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;

- Quyết định việc Công Ty ký kết hợp đồng giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- Quyết định việc Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;
- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động HĐQT; và
- Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và của điều lệ.

3.2. Hội Đồng Quản Trị

- HĐQT Công Ty có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể cho từng nhiệm kỳ sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT Công Ty hiện nay gồm có 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm).
- HĐQT giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc khác của Công Ty. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công Ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- HĐQT có trách nhiệm giám sát TGD và các người quản lý khác.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với TGD; quyết định mức lương và lợi ích khác của TGD;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
 - Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục pháp lý chống lại người quản lý đó;
 - Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình ĐHĐCĐ quyết định;
 - Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các công cụ nợ khác;
 - Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác;
 - Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức; quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công Ty;
 - Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
 - Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công Ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty do Công Ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;
 - Thành lập các công ty con do Công Ty sở hữu trực tiếp;
 - Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
 - Việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công Ty và việc thực hiện các khoản bồi thường khác của Công Ty với mức giá trị bằng hoặc

- cao hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị từ 1% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
 - Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
 - Việc Công Ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công Ty phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Giám sát, chỉ đạo TGD trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
 - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;
 - Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
 - Xây dựng quy chế quản trị nội bộ của Công Ty trình ĐHĐCĐ thông qua; và
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công Ty.

3.3. Ủy Ban Kiểm Toán

- Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT. UBKT có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch UBKT phải là thành viên độc lập HĐQT. Các thành viên khác của UBKT phải là thành viên HĐQT không điều hành.
- Quyền và nghĩa vụ của UBKT:
 - Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công Ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công Ty;
 - Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
 - Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT và ĐHĐCĐ;
 - Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty;
 - Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt;
 - Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công Ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
 - Giám sát nhằm đảm bảo Công Ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công Ty;
 - Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công Ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, TGD, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT;
 - Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT;
 - Sử dụng và dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
 - Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công Ty;
 - Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, TGD không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và điều lệ;

- Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua; và
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.4. Tổng Giám Đốc

- Nhiệm kỳ của TGD không quá 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.
- TGD có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị nhỏ hơn 1% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT và ĐHĐCĐ;
 - Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công Ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT và ĐHĐCĐ;
 - Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng mà Công Ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty; và
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ, các quy chế của Công Ty và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

3.5. Chức Năng, Nhiệm Vụ Chính Của Các Phòng Ban

3.5.1. Phòng Tiếp Thị

- Nghiên cứu dự báo thị trường và dự báo doanh thu;
- Tổ chức triển khai chương trình phát triển sản phẩm mới;
- Phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu;
- Phát triển sản phẩm mới, hoàn thiện sản phẩm với các thuộc tính mà thị trường mong muốn;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược marketing;
- Thiết lập quan hệ hiệu quả với giới truyền thông.

3.5.2. Phòng Nghiên Cứu & Phát Triển

- Tối ưu hóa chi phí;
- Đề xuất các sáng kiến;
- Thực hành các thí nghiệm và thu thập các dữ liệu liên quan;
- Quản lý chất lượng sản phẩm và tính ổn định của sản phẩm;
- Xử lý các sự cố và hỗ trợ kỹ thuật.

3.5.3. Phòng Kinh Doanh

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh;
- Giám sát và quản lý vùng thị trường, khai thác và phát triển kênh phân phối sản phẩm;

- Thực hiện nghiệp vụ bán hàng;
- Phối hợp các phòng ban để kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Công tác thống kê tổng hợp;
- Xây dựng các chiến lược PR, marketing cho các sản phẩm theo từng giai đoạn và tùy từng đối tượng khách hàng;
- Xây dựng phát triển về thương hiệu;
- Nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh.

3.5.4. Phòng Tài Chính & Công Nghệ Thông Tin

- Hoạch định chiến lược tài chính doanh nghiệp;
- Công tác tài chính (tài chính và quản lý tài sản, tín dụng, công tác về thuế, thanh tra, kiểm tra tài chính, phân tích hoạt động kinh tế);
- Công tác kế toán;
- Công tác kiểm toán;
- Công tác kiểm tra, đánh giá và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

3.5.5. Phòng Pháp Chế

- Rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho hoạt động của Công Ty;
- Phổ biến các quy định pháp luật cho các Phòng, bộ phận trong Công Ty;
- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật tại Công Ty;
- Tham gia công tác bồi thường của nhà nước khi được yêu cầu;
- Hỗ trợ pháp lý cho các công ty thành viên;
- Tham mưu về các vấn đề pháp lý và tổ tụng cho Ban quản lý.

3.5.6. Phòng Hành Chính – Nhân Sự

- Xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Thực hiện công tác tuyển dụng và quan hệ nhân sự;
- Công tác lương bổng và phúc lợi;
- Công tác hành chính quản trị;
- Công tác văn thư lưu trữ.

3.5.7. Phòng Vận Hành

- Làm việc với Phòng Kinh doanh, tiếp thị lập kế hoạch nhu cầu khách hàng;
- Lên kế hoạch và mua nguyên liệu, vật tư cho sản xuất;
- Nhận và kiểm soát nguyên theo tiêu chuẩn;
- Lên kế hoạch sản xuất;
- Sản xuất và kiểm soát chất lượng thành phẩm;
- Giao hàng, theo dõi chất lượng và ghi nhận, giải quyết phản hồi về chất lượng cũng như dịch vụ;
- Kiểm soát chi phí và tối ưu hóa hiệu suất;
- Đảm bảo các hoạt động tuân thủ theo yêu cầu pháp luật cũng như tạo môi trường làm việc an toàn cho nhân viên

4. Danh Sách Cổ Đông Năm Giữ Từ Trên 5% Vốn Cổ Phần Của Công Ty; Danh Sách Cổ Đông Sáng Lập Và Tỷ Lệ Cổ Phần Năm Giữ; Cơ Cấu Cổ Đông
4.1. Danh Sách Cổ Đông Sáng Lập Bị Hạn Chế Chuyển Nhượng:
 Không có

4.2. Danh Sách Cổ Đông Lớn Năm Giữ Từ Trên 5% Vốn Cổ Phần Của Công Ty

Danh sách cổ đông lớn năm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Niêm Yết tính đến thời điểm ngày 31/08/2021 như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/Mã số giao dịch chứng khoán	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan	0303576603	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	257.248.169	78,74%
2	Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan	0309966871	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	29.796.394	9,12%
3	VN Consumer Meat II Pte. Ltd.	CB0982	10 Changi Business Park Central 2 #05-01 Hansapoint (at) CBP Singapore 486030	23.161.294	7,09%
Tổng cộng				310.205.857	95,95%

Nguồn: Danh sách chốt cổ đông chốt tại ngày 31/08/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

4.3. Cơ Cấu Cổ Đông

Cơ cấu cổ đông của Tổ Chức Niêm Yết tính đến thời điểm 31/08/2021 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Nhà đầu tư trong nước	787	296.846.424	90,86

Tổ chức	6	287.283.934	87,93
Cá nhân	781	9.562.490	2,93
2. Nhà đầu tư nước ngoài	28	29.868.423	9,14
Tổ chức	6	28.205.813	8,63
Cá nhân	22	1.662.610	0,51
3. Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00
Tổng cộng	815	326.714.847	100,00

Nguồn: Danh sách chốt cổ đông chốt tại ngày 31/08/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

5. Danh Sách Những Công Ty Mẹ Và Công Ty Con Của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Những Công Ty Mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết Đang Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối, Những Công Ty Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

5.1. Danh Sách Công Ty Mẹ Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Niêm Yết

Danh Sách Công Ty Mẹ Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Niêm Yết tính đến thời điểm 31/08/2021 như sau:

1	Công Ty Cổ phần Tập đoàn Masan (Masan)
	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 18/11/2004 • Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Thành phố Hồ Chí Minh • Điện thoại: +84 28 6256 3862 - Fax: +84 28 3827 4115 • Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0303576603 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2004, thay đổi lần thứ 26 ngày 17 tháng 06 năm 2021. • Hoạt động kinh doanh chính: <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)); và - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Chi tiết: nghiên cứu thị trường) • Vốn điều lệ đăng ký: 11.805.346.920.000 Đồng • Vốn điều lệ thực góp: 11.805.346.920.000 Đồng • Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Masan tại MML: 78,74%

5.2. Công Ty Con Sở Hữu Trực Tiếp Mà Tổ Chức Niêm Yết Đang Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần/ Phần Vốn Góp Chi Phối

Danh sách các công ty con mà Tổ Chức Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần/phần vốn góp chi phối của Tổ Chức Niêm Yết tính đến thời điểm 30/06/2021 như sau:

1	Công Ty TNHH MNS Feed <ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 7/3/2017 • Địa chỉ: (Trong khuôn viên của Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế) Lô A4, đường số 4, KCN Sông Máy, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam • Điện thoại: 02513.968175 - Fax: 02513.968175 • Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3603447499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 7/3/2017, được sửa đổi lần thứ 6 ngày 1 tháng 9 năm 2021. • Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. • Vốn điều lệ đăng ký: 7.284.000.000.000 VND • Vốn điều lệ thực góp: 7.284.000.000.000 VND • Tỷ lệ sở hữu của MML tại công ty con: 99,99%
2	Công Ty TNHH MNS Meat <ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 6/6/2016 • Địa chỉ: (Trong khuôn viên của Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế) Lô A4, đường số 4, KCN Sông Máy, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam • Số điện thoại: 02513.968705 - Fax: 02513.673957 • Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3603383090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 6/6/2016, được sửa đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 06 năm 2021. • Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản • Vốn điều lệ đăng ký: 2.700.013.000.000 VND • Vốn điều lệ thực góp: 2.700.013.000.000 VND • Tỷ lệ sở hữu của MML tại công ty con: 99,99%
3	Công Ty Cổ Phần 3F Việt <ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 8/8/2014 • Số điện thoại: 02513839740 - Fax: 02513839741 • Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0312885397 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8/8/2014, được sửa đổi lần thứ 10 ngày 08 tháng 12 năm 2020. • Hoạt động kinh doanh chính: Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở) • Vốn điều lệ đăng ký: 181.405.900.000 VND • Vốn điều lệ thực góp: 181.405.900.000 VND • Tỷ lệ sở hữu của MML tại công ty con: 51,00% • Giá mua: 614.774.300.000 VND

Nguồn: Tổ Chức Niêm Yết

6. Hoạt Động Kinh Doanh

MML đang sở hữu nền tảng 3F (Feed – Farm – Food: Từ Trang Trại Đến Bàn Ăn) trong hành trình mang đến các sản phẩm thịt tươi ngon, dinh dưỡng cho gần 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam. Trong đó, Công Ty có hai mảng kinh doanh chính là (i) hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản được quản lý tập trung bởi MNS Feed, doanh nghiệp hiện đang sở hữu 13 nhà máy thức ăn chăn nuôi khắp cả nước và (ii) hoạt động chăn nuôi gia súc và gia cầm, chế biến và bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt được quản lý tập trung bởi MNS Meat.

6.1. Nền Tảng 3F (Feed – Farm – Food: Từ Trang Trại Đến Bàn Ăn)

Thức Ăn Chăn Nuôi

Hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi của Tổ Chức Niêm Yết được thực hiện thông qua MNS Feed. MNS Feed được thành lập vào tháng 3 năm 2017 nhằm mục đích hợp nhất và quản lý tập trung mảng hoạt động thức ăn chăn nuôi thông qua hai doanh nghiệp là ANCO và Proconco.

MNS Feed

MNS Feed hiện đang sở hữu 13 nhà máy thức ăn chăn nuôi, trong đó 6 nhà máy thuộc Proconco, 5 nhà máy nhận chuyển giao từ ANCO và 2 nhà máy thuộc ANCO với tổng công suất lên đến 3,78 triệu tấn thức ăn. Các nhà máy thành viên của MNS Feed sản xuất từ thức ăn gia súc (heo, bò), gia cầm (gà, vịt, chim cút) đến thủy sản (cá, tôm). Các sản phẩm được bán qua hệ thống hơn 2.000 đại lý trên cả nước.

Trang Trại

MNS Farm

MNS Farm là một trong hai nhánh của MNS Meat, tập trung vào hoạt động trang trại nuôi heo, MNS Farm đã phát triển và tiếp tục vận hành trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao tại Nghệ An với công suất nuôi từ 230.000 đến 250.000 con heo thịt/năm. Trang trại này giúp MML thực hiện cam kết mang đến thịt và các sản phẩm từ thịt có nguồn gốc rõ ràng, an toàn với giá cả hợp lý cho người tiêu dùng. Năm 2018, MNS Farm Nghệ An đã chính thức cho xuất chuồng lứa heo đầu tiên.

Việc bổ sung các trang trại heo sẽ là một bước đi tiếp theo trong chiến lược thực hiện mô hình 3F của MML để phục vụ người tiêu dùng tốt hơn tại Việt Nam.

Thức Phẩm

MNS Meat Processing

MNS Meat Processing là nhánh còn lại của MNS Meat, tập trung vào hoạt động chế biến thịt. Vào tháng 12/2018, MNS Meat Processing đã đưa vào vận hành dự án tổ hợp chế biến thịt tại Hà Nam với công nghệ và thiết bị hiện đại được các chuyên gia quốc tế nhiều kinh nghiệm lắp đặt và giám sát, có công suất chế biến khoảng 1.400.000 con heo/năm, tương đương 140.000 tấn/năm bằng việc sử dụng công nghệ thịt mát Châu Âu. Dự án có mức vốn đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng và được xây dựng trên 10 hecta. Nhờ vậy, MML có thể đưa ra thị trường sản phẩm thịt mát dưới thương hiệu MEAT Deli. Bên cạnh đó, vào ngày 3/10/2020, Công Ty đã khánh thành Tổ hợp chế biến thịt MEATDeli Sài Gòn có giá trị đầu tư 1.800 tỷ Đồng tại Long An, có tổng diện tích hơn 20 ha, công suất thiết kế 1,4 triệu con heo/năm. Với hai tổ hợp chế biến thịt quy mô hiện đại trên, Công Ty đã bước đầu hoàn thiện hệ thống chế biến của mình với sự có mặt tại hai miền đất nước.

MML đã giới thiệu thành công sản phẩm thịt heo mát đầu tiên tại Việt Nam – MEATDeli. Thịt heo mát được lưu trữ và phân phối trong hệ thống kho và vận chuyển lạnh 0~4°C xuyên suốt đến tay người tiêu dùng cho sản phẩm giữ được hương vị tự nhiên và tươi ngon. Qua việc giới thiệu MEATDeli vào năm 2018, MML đã chuyển đổi thành công ty hàng tiêu dùng, giúp công ty giảm phụ thuộc vào chu kỳ hàng hóa và đạt biên lợi nhuận bền vững. Đây là mảnh ghép cuối cùng để MML trở thành công ty thịt có thương hiệu, nhằm đáp ứng nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn của người tiêu dùng và cho sản phẩm thịt ngon và an

toàn.

Vissan

Thông qua giao dịch mua bán cổ phần theo hình thức đấu giá diễn ra trong tháng 3 và tháng 6 năm 2016, MML đã gián tiếp sở hữu 24,9% cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược của Vissan thông qua ANCO. Vissan là một trong những công ty sản xuất thịt có thương hiệu lớn nhất Việt Nam với công suất hàng năm là 10.000 tấn xúc xích tiết trùng, 5.000 tấn các sản phẩm đóng hộp, dây chuyền giết mổ lợn với công suất là 360 con/giờ và dây chuyền giết mổ gia súc với công suất là 35 con/giờ.

3F Việt

Theo đánh giá của MML, thịt gia cầm đóng vai trò quan trọng thứ hai trong bữa ăn của gia đình Việt. Tuy nhiên, hạn chế của thị trường này cũng tương tự như đối với thị trường thịt heo: năng suất thấp, vấn đề về chất lượng, thiếu sản phẩm mới và đột phá.

Công Ty Cổ Phần 3F Việt (“3F Việt”), một doanh nghiệp nội địa thành lập vào năm 2014, có nền tảng là chuỗi giá trị trải đều từ con giống, trại ấp, trại thịt đến cơ sở chế biến và đóng gói quy mô lớn. Tất cả đều đạt tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm và nhà máy chế biến của 3F Việt đạt các tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng như HACCAP, ISO 22000, và đặc biệt là FSSC22000 của Tổ chức FSSC 22000 có trụ sở tại Hà Lan.

Tuy xuất phát điểm khác nhau, nhưng 3F Việt và MML cùng mục tiêu là phục vụ sản phẩm thịt tươi ngon, dinh dưỡng và đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm hàng đầu. Với khoản vốn đầu tư 613 tỷ đồng từ MML, 3F Việt sẽ dùng để mở rộng kinh doanh và xây dựng thương hiệu thịt gia cầm vững mạnh.

6.2. Sản Lượng Sản Phẩm, Giá Trị Dịch Vụ Qua Các Năm

(a) Đối với kết quả kinh doanh của công ty mẹ:

- *Doanh thu thuần công ty mẹ theo từng mảng kinh doanh:*

Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		% tăng/ (giảm)	6 tháng đầu năm 2021	
	Doanh thu thuần	% DTT	Doanh thu thuần	% DTT		Doanh thu thuần	% DTT
	(triệu VND)		(triệu VND)			(triệu VND)	
Thức ăn chăn nuôi	9.218.311	100%	9.942.819	100%	8%	5.864.873	100%
Thịt và trang trại	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	9.218.311	100%	9.942.819	100%	8%	5.864.873	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Về cơ cấu doanh thu, 100% doanh thu công ty mẹ trong giai đoạn từ 2019 đến 6 tháng đầu năm 2021 đến từ việc kinh doanh thương mại các sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

Về sự biến động trong giai đoạn 2019-2020, doanh thu của công ty mẹ tăng lên 9.943 tỷ Đồng trong năm 2020 với mức tăng 8% so với năm 2019 đến từ doanh thu thức ăn chăn nuôi tăng do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi đã được khắc phục làm cho sản lượng thức ăn chăn nuôi tăng trưởng. Doanh thu thuần công ty mẹ trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 5.864,87 tỷ Đồng, tăng 1.505,02 tỷ Đồng, tương đương 35% so với cùng kỳ năm 2020 do sản lượng thức ăn chăn nuôi heo tăng trưởng 41%.

- Lợi nhuận gộp công ty mẹ theo từng mảng kinh doanh:

Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		% tăng/ (giảm)	6 tháng đầu năm 2021	
	Lợi nhuận gộp (triệu VND)	% DTT	Lợi nhuận gộp (triệu VND)	% DTT		Lợi nhuận gộp (triệu VND)	% DTT
Thức ăn chăn nuôi	599.188	6%	632.264	6%	6%	407.136	7%
Thịt và trang trại	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	599.188	6%	632.264	6%	6%	407.136	7%

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Về sự biến động của biên lợi nhuận gộp, biên lợi nhuận gộp của công ty mẹ tăng nhẹ từ mức 6% trong hai năm 2019, 2020 lên mức 7% trong 6 tháng đầu năm 2021 do việc quản lý chi phí hiệu quả.

Về sự biến động của lợi nhuận gộp trong giai đoạn 2019-2020, tổng giá trị lợi nhuận gộp của công ty mẹ tăng trưởng với mức 6% lên 632 tỷ Đồng trong năm 2020 đến từ doanh thu tăng lên như nguyên nhân đã nêu trên. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần công ty mẹ tăng trưởng 35% nhờ sản lượng thức ăn chăn nuôi heo tăng trưởng 41% như đã trình bày ở trên, trong khi đó biên lợi nhuận gộp ổn định nên dẫn tới lợi nhuận gộp tăng 106,25 tỷ Đồng, tương đương với 35% so với cùng kỳ năm 2020.

(b) Đối với kết quả kinh doanh hợp nhất:

- Doanh thu thuần hợp nhất theo từng mảng kinh doanh:

Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		% tăng/ (giảm)	6 tháng đầu năm 2021	
	Doanh thu thuần (triệu VND)	% DTT	Doanh thu thuần (triệu VND)	% DTT		Doanh thu thuần (triệu VND)	% DTT
Thức ăn chăn nuôi	13.377.825	97%	13.740.926	85%	3%	8.366.789	82%
Thịt và trang trại	420.926	3%	2.378.079	15%	465%	1.865.059	18%

Tổng cộng	13.798.751	100%	16.119.005	100%	17%	10.231.848	100%
------------------	-------------------	-------------	-------------------	-------------	------------	-------------------	-------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Ghi chú: Thịt và trang trại bao gồm mảng trang trại, mảng thịt và 3F Việt

Về cơ cấu doanh thu, tỷ trọng đóng góp về doanh thu của hai mảng kinh doanh chính của MML là thức ăn chăn nuôi ở mức 85%, và thịt và trang trại ở mức 15% trong năm 2020. Tỷ trọng hai mảng kinh doanh chính của MML có sự thay đổi đáng kể trong giai đoạn 2019-2020 với sự tăng lên mạnh mẽ của mảng kinh doanh thịt và trang trại. Cụ thể, tỷ trọng doanh thu đóng góp từ mảng kinh doanh thịt và trang trại tăng từ 3% trong năm 2019 lên 15% trong năm 2020. Tương tự, trong 6 tháng đầu năm 2021, tỷ trọng mảng thịt và trang trại trong cơ cấu doanh thu tiếp tục tăng lên mức 18%.

Về sự biến động trong giai đoạn 2019-2020, doanh thu của MML đạt 16.119 tỷ Đồng trong năm 2020 với mức tăng 17% so với năm 2019 đến từ: (i) doanh thu mảng thức ăn chăn nuôi tăng nhẹ 3% lên 13.741 tỷ Đồng trong năm 2020 do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi đã được khắc phục làm cho sản lượng thức ăn chăn nuôi của MML tăng trưởng trở lại ở mức 5% và (ii) doanh thu mảng thịt và trang trại tăng trưởng mạnh mẽ từ mức 421 tỷ Đồng trong năm 2019 lên 2.378 tỷ Đồng trong năm 2020, tương đương mức tăng hơn 5 lần do giá thịt heo được đẩy lên đỉnh lịch sử nhờ thị trường chăn nuôi hồi phục sau dịch tả lợn châu Phi, đồng thời Công Ty tiến hành mở rộng thương hiệu MEATDeli của ngành thịt mát khi mà thương hiệu MEATDeli đã có mặt tại 1.606 điểm bán ở cả hai miền Nam, Bắc so với giai đoạn mới thử nghiệm của các năm 2018, 2019. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của MML đạt 10.232 tỷ Đồng, tăng 42% so với cùng kỳ đến từ: (i) mảng thịt tích hợp (thịt heo) tăng 36% nhờ sự mở rộng mạng lưới của thương hiệu MEATDeli và đóng góp 630 tỷ Đồng hợp nhất từ Công ty 3F Việt (thịt gà) (trong 6 tháng đầu năm 2020 chưa có sự đóng góp của 3F Việt), (ii) doanh thu thức ăn chăn nuôi tăng 33% do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi đã được khắc phục.

- Lợi nhuận gộp hợp nhất theo từng mảng kinh doanh:

Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		% tăng/ (giảm)	6 tháng đầu năm 2021	
	Lợi nhuận gộp (triệu VND)	% DTT	Lợi nhuận gộp (triệu VND)	% DTT		Lợi nhuận gộp (triệu VND)	% DTT
Thức ăn chăn nuôi	2.368.582	17%	2.332.947	14%	-2%	1.054.656	10%
Thịt và trang trại	-102.979	-1%	391.680	2%	-	254.350	2%
Tổng cộng	2.265.603	16%	2.724.627	17%	20%	1.309.006	13%

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Ghi chú: Thịt và trang trại bao gồm mảng trang trại, mảng thịt và 3F Việt

Về sự biến động của biên lợi nhuận gộp, biên lợi nhuận gộp của MML tăng nhẹ từ mức 16% lên 17% trong năm 2020 nhưng lại giảm mạnh về mức 13% trong 6 tháng đầu năm 2021. Sự biến động này là do:

- Đối với mảng thức ăn chăn nuôi: giai đoạn 2019 đến 6 tháng đầu năm 2021, mặc dù có sự biến động lên xuống nhưng xu hướng giá các loại nguyên liệu chính để sản xuất thức ăn chăn nuôi của MML như ngô, đậu tương đều tăng nên biên lợi nhuận gộp của mảng này trong xu hướng giảm.
- Đối với mảng thịt và trang trại: biên lợi nhuận gộp có sự cải thiện đáng kể từ mức -24% của năm 2019 lên 16% trong năm 2020 (dẫn đến tỷ lệ lợi nhuận gộp của mảng này trên tổng doanh thu thuần tăng từ -1% lên 2% trong năm 2020) do doanh thu tăng trưởng đến từ việc mở rộng hệ thống phân phối thịt đã đạt đến mức hòa vốn và tạo ra lợi nhuận nên có chuyển biến tích cực này. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2021, giá heo hơi đã tăng lên rất cao vì khan hiếm nguồn cung nên làm cho chi phí đầu vào của mảng thịt Công Ty tăng lên tạo áp lực lên biên lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh này và hợp nhất 3F Việt có biên lợi nhuận gộp thấp hơn.

Về sự biến động của lợi nhuận gộp trong giai đoạn 2019-2020, tổng giá trị lợi nhuận gộp của MML tăng trưởng mạnh 20% đạt 2.725 tỷ Đồng trong năm 2020 so với mức 2.266 tỷ Đồng của năm 2019 do mảng kinh doanh thịt của MML có sự cải thiện đáng kể về mặt doanh thu và biên lợi nhuận gộp như các nguyên nhân đã nêu trên. Biên lợi nhuận gộp trong nửa đầu năm 2021 chỉ ở mức 13%, thấp hơn so mức 16% so cùng kỳ do giá cả hàng hóa tăng cao hơn khiến biên lợi nhuận của mảng thức ăn chăn nuôi sụt giảm và tác động của việc hợp nhất 3F Việt (do 3F Việt có biên lợi nhuận gộp thấp).

6.3. Nguyên Vật Liệu Và Nhà Cung Cấp

Đối với mảng thức ăn chăn nuôi:

- Nguồn nguyên liệu: Thành phần nguyên liệu chủ yếu trong thành phẩm thức ăn gia súc của Công Ty gồm có cám gạo bã, đậu nành, bắp, khô dầu cải ép và bột thịt. Công Ty sử dụng nguồn cung cấp nguyên vật liệu cả trong và ngoài nước. Bã đậu nành và bắp được Công Ty nhập từ nhiều nước như Argentina, Brazil chủ yếu do yếu tố về giá và chất lượng, trong khi đó cám gạo chủ yếu sử dụng nguồn trong nước.
- Sự ổn định của nguồn cung cấp: Việc thu mua và dự báo nhu cầu nguyên liệu được thực hiện hàng tuần trên cơ sở đánh giá chất lượng và giá cả của các nhà cung cấp uy tín hàng đầu nên nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công Ty rất ổn định. Công Ty cũng thường ký hợp đồng mua dài hạn với nhà cung cấp để đảm bảo tính ổn định của nguồn cung.
- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu:
 - o Thông thường khi giá các nguyên vật liệu chính tăng lên Công Ty có thể chuyển một phần chi phí nguyên vật liệu tăng lên sang cho khách hàng. Tuy nhiên, trong giai đoạn ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn như các năm vừa qua, biên lợi nhuận gộp của Công Ty cũng chịu ảnh hưởng từ việc giá cả nguyên vật liệu chính như đậu nành, ngô tăng lên.
 - o Công Ty hạn chế sự tác động của giá cả nguyên vật liệu bằng cách: (i) đối với các loại nguyên liệu có mức giá biến động mạnh, Công Ty thường xuyên theo dõi thị trường và chọn thời điểm mở thầu thích hợp để có thể chốt mua với mức giá tốt; (ii) đối với các loại nguyên liệu có mức giá ổn định, Công Ty thường ký hợp đồng mua dài hạn với nhà cung cấp. Hơn nữa, sự linh hoạt trong việc thu mua và sử dụng các nguyên liệu thay thế từ nhiều

nguồn cung cấp khác nhau đã giúp cho Công Ty có sự khác biệt với đối thủ cạnh tranh với tỷ suất lợi nhuận gộp ở mức cạnh tranh trong ngành thức ăn gia súc tại Việt Nam vì giảm thiểu được ảnh hưởng của biến động giá cả đầu vào.

Đối với mảng thịt và trang trại:

- Nguồn nguyên liệu: để đảm bảo nguồn cung cho hệ thống sản xuất thịt mát, MML xây dựng hệ thống cung cấp bao gồm trang trại thuộc sở hữu của MML, trang trại thuê và trang trại gia công. Công Ty đang vận hành trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao tại Nghệ An với công suất nuôi từ 230.000 đến 250.000 con heo thịt/năm.
- Sự ổn định của nguồn cung cấp: nguồn cung từ các trang trại thuộc sở hữu của MML, trang trại thuê và trang trại gia công đều rất ổn định do đều được trang bị hệ thống công nghệ hiện đại trong việc chăm sóc đàn heo, từ khâu heo giống đến lúc xuất chuồng nhất quán theo kỹ thuật do Công Ty đưa ra nên rất ít bị ảnh hưởng bởi các yếu tố dịch bệnh như trang trại từ các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ.
- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu: mặc dù tự chủ được từ khâu chăn nuôi nhưng Công Ty cũng bị ảnh hưởng từ sự biến động của giá heo đầu vào đối với các trang trại gia công. Khi giá heo hơi lên cao, Công Ty vẫn phải mua với mức giá cao tại các trang trại gia công nên biên lợi nhuận mảng thịt của Công Ty bị biến động tương ứng theo biến động của giá heo đầu vào.

6.4. Chi Phí Sản Xuất

Bảng dưới đây thể hiện các chi phí sản xuất kinh doanh của MSN trong các năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021:

(a) Chi phí sản xuất công ty mẹ

Khoản mục	2019		2020		% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	8.619.123	93,5%	9.310.555	93,6%	8%	5.457.737	93,1%
Chi phí bán hàng	455.061	4,9%	474.474	4,8%	4%	218.941	3,7%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	150.892	1,6%	150.839	1,5%	0%	82.535	1,4%
Chi phí tài chính	260.784	2,8%	282.677	2,8%	8%	150.997	2,6%
Tổng	9.485.860	102,9%	10.218.545	102,8%	8%	5.910.210	100,8%

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Trong năm 2019, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần của công ty mẹ ở mức 93,5%, chủ yếu bao gồm chi phí hàng hóa đã bán vì công ty mẹ chỉ có doanh thu chủ yếu từ việc kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Các chi phí còn lại chiếm tỷ trọng 6,5%, gồm có: chi phí bán hàng chiếm 4,9% (chủ yếu bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển, chi phí quảng cáo và khuyến mãi), trong khi chi phí tài

chính chiếm 2,8% (chủ yếu là chi phí lãi vay) và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 1,6% (chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí thuê hoạt động, chi phí dụng cụ văn phòng, khấu hao, dự phòng).

Trong năm 2020, tương tự 2019, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần của công ty mẹ ở mức 93,6%, theo sau là chi phí bán hàng chiếm 4,8%, trong khi chi phí tài chính chiếm 2,8% và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 1,5%. Đối với sự biến động của chi phí trong giai đoạn 2019-2020, tổng chi phí trên doanh thu thuần của công ty mẹ ổn định mức mức 103% do tỷ trọng các loại chi phí đều ổn định do sự quản lý hiệu quả của công ty mẹ.

Như vậy, nhìn chung tỷ trọng các loại chi phí trên doanh thu thuần của công ty mẹ giữ ổn định trong 2 năm 2019 và 2020. Về mặt con số tuyệt đối, giá vốn hàng bán và chi phí tài chính đạt lần lượt 9.310 tỷ Đồng và Đồng trong năm 2020 đều tăng 8% so với mức 8.619 tỷ Đồng và 260,8 tỷ Đồng năm 2019. Chi phí giá vốn hàng bán chủ yếu tăng tương ứng với tốc độ của doanh thu công ty mẹ (khoảng 8%), trong khi nguyên nhân tăng của chi phí tài chính (mà chủ yếu là chi phí lãi vay) là do dư nợ vay ngắn hạn của công ty mẹ đã tăng mạnh 1,7 lần từ 368,5 tỷ Đồng trong năm 2019 lên 993 tỷ Đồng trong năm 2020, trong đó vay ngắn hạn ngân hàng tăng gần 61% và phát sinh mới một khoản vay với bên có liên quan thêm 400 tỷ Đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của công ty. Chi phí bán hàng cũng có xu hướng tăng nhưng nhẹ hơn ở mức 4% từ 455 tỷ Đồng trong năm 2019 lên 474 tỷ Đồng trong năm 2020, chủ yếu do cấu phần chi phí vận chuyển, chi phí quảng cáo và khuyến mãi tăng nhiều ở giai đoạn này (27,3% và 23,3%) do việc quảng bá thương hiệu các sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, giá vốn hàng bán vẫn là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần của công ty mẹ ở mức 93,1%, tiếp theo là chi phí bán hàng chiếm 3,7%, trong khi chi phí tài chính chiếm 2,6% và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 1,4%. So với cùng kỳ 2020, tổng các loại chi phí giảm từ 103,01% trong 6 tháng đầu năm 2020 xuống còn 100,8% trong 6 tháng đầu năm 2021. Mặc dù tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán không đổi (ở mức 93,1%) nhưng tỷ trọng các chi phí khác trên doanh thu đều giảm như chi phí bán hàng (giảm từ 5,06% trong 6 tháng đầu năm 2020 xuống còn 3,7% trong 6 tháng đầu năm 2021), chi phí quản lý doanh nghiệp (từ 1,7% xuống còn 1,4%), chi phí tài chính (từ 3,14% xuống còn 2,6%). Nguyên nhân là do công ty mẹ đã quản lý chi phí hiệu quả hơn trong giai đoạn này.

Về mặt con số tuyệt đối, giá vốn hàng bán trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 5.457 tỷ Đồng, tăng 34,5% so với cùng kỳ năm 2020, tương đương với mức tăng doanh thu thuần của công ty mẹ (35%) do kết quả của sản lượng thức ăn chăn nuôi heo tăng tới 41% trong 6 tháng đầu năm 2021. Trong khi đó, chi phí bán hàng tại công ty mẹ của MML được kiểm soát chặt chẽ và giảm nhẹ 0,8% so với cùng kỳ năm 2020. Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2021 cũng tăng trưởng lần lượt 10,2% (chủ yếu do chi phí lãi vay tăng 6,1% và chi phí tài chính khác tăng 28,0%) và 11,1% (mặc dù chi phí nhân viên tiết kiệm giảm 6,1% nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp khác tăng tới 23,6%) so với cùng kỳ năm 2020.

(b) Chi phí sản xuất hợp nhất

Khoản mục	2019		2020		% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng/ DTT		Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng/ DTT

Giá vốn hàng bán	11.533.148	83,6%	13.394.379	83,1%	16%	8.922.842	87,2%
Chi phí bán hàng	680.705	4,9%	932.549	5,8%	37%	446.441	4,4%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	797.348	5,8%	719.109	4,5%	-10%	380.790	3,7%
Chi phí tài chính	364.167	2,6%	508.025	3,2%	40%	255.190	2,5%
Tổng	13.375.368	96,9%	15.554.062	96,5%	16%	10.005.263	97,8%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Khi hợp nhất, ngoài chi phí chủ yếu liên quan đến hoạt động thức ăn chăn nuôi, Công Ty phát sinh các chi phí liên quan đến kinh doanh thịt và trang trại. Theo đó, tỷ trọng của các loại chi phí trên doanh thu thuần có thay đổi so với cơ cấu chi phí của công ty mẹ theo hướng tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán thấp hơn, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng cao hơn, trong khi tỷ trọng chi phí tài chính vẫn giữ ổn định trong tổng cơ cấu chi phí hợp nhất trong giai đoạn 2019 – 6 tháng đầu năm 2021. Cụ thể:

- Trong năm 2019, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần của Công Ty ở mức 83,6%, chủ yếu bao gồm các chi phí nguyên liệu thô, công cụ dụng cụ, khấu hao, ngoài ra còn bao gồm các chi phí nhân công, dịch vụ và các chi phí khác. Các chi phí còn lại chiếm tỷ trọng 16,4%, gồm có: chi phí bán hàng chiếm 4,9% (chủ yếu bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển, chi phí quảng cáo và khuyến mãi), trong khi chi phí tài chính chiếm 2,6% (chủ yếu là chi phí lãi vay) và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,8% (chủ yếu bao gồm chi phí phân bổ lợi thế thương mại, chi phí nhân viên, chi phí thuê hoạt động, chi phí dụng cụ văn phòng, khấu hao, dự phòng).
- Trong năm 2020, tương tự 2019, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần của Công Ty ở mức 83,1%, theo sau là chi phí bán hàng chiếm 5,8%, trong khi chi phí tài chính chiếm 3,2% và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,5%.
- Đối với sự biến động của chi phí trong giai đoạn 2019-2020, tổng chi phí trên doanh thu thuần của Công Ty ổn định mức 97% mặc dù có sự biến động của các chi phí khác. Cụ thể, tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm nhẹ do mảng thịt và trang trại có sự cải thiện về mặt hiệu quả kinh doanh. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm do phân giảm đi trong việc phân bổ điều chỉnh giá trị hợp lý của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại. Ở chiều ngược lại, tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần tăng lên do Công Ty đang giai đoạn tăng cường mở rộng hệ thống phân phối thịt mát và tỷ trọng chi phí lãi vay trên doanh thu thuần cũng tăng lên do Công Ty đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng mảng chăn nuôi và chế biến thịt nên cần vay nợ nhiều.
- Về mặt con số tuyệt đối, giá vốn hàng bán và chi phí tài chính đạt lần lượt 13.394 tỷ Đồng và 508 tỷ Đồng trong năm 2020 tăng lần lượt là 16% và 40% so với mức 11.533 tỷ Đồng và 364 tỷ Đồng

năm 2019. Chi phí giá vốn hàng bán chủ yếu tăng tương ứng với tốc độ của doanh thu của Công Ty (doanh thu thuần Công Ty tăng 16,8%), trong khi nguyên nhân tăng của chi phí tài chính (mà chủ yếu là chi phí lãi vay) là do dư nợ vay ngắn hạn của Công Ty đã tăng mạnh 2,9 lần từ 1.783 tỷ Đồng trong năm 2019 lên 5.253 tỷ Đồng trong năm 2020, trong đó ngoài phần vay ngắn hạn tăng lên do trái phiếu dài hạn đến hạn chuyển sang (1.986 tỷ Đồng bù đắp cho sự giảm đi trong phần vay dài hạn), phần tăng chủ yếu đến từ khoản vay ngân hàng ngắn hạn tăng 1,7 lần lên 2.313 tỷ Đồng và có thêm một khoản vay với bên có liên quan thêm 400 tỷ Đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động tăng lên của Công Ty. Chi phí bán hàng cũng tăng mạnh 37% lên 933 tỷ Đồng chủ yếu là do chi phí nhân viên, chi phí quảng cáo và khuyến mãi cũng như chi phí vận chuyển, do việc đầu tư quảng bá thương hiệu và mở rộng hệ thống phân phối các sản phẩm của Công Ty. Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí này ở mức 719 tỷ Đồng, giảm 10% so với năm 2019 chủ yếu do phần giảm đi trong việc phân bổ điều chỉnh giá trị hợp lý của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại.

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, giá vốn hàng bán vẫn là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần của Công Ty ở mức 87,2%, tiếp theo là chi phí bán hàng chiếm 4,4%, trong khi chi phí tài chính chiếm 2,5% và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,7%. So với cùng kỳ 2020, tổng các loại chi phí giảm từ 98,5% trong 6 tháng đầu năm 2020 xuống còn 97,8% trong 6 tháng đầu năm 2021. Mặc dù tỷ trọng giá vốn hàng bán tăng lên nhưng đã được bù đắp bởi sự giảm đi của các chi phí khác. Cụ thể, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng (từ 84,7% lên 87,2%) do giá cả hàng hóa sản xuất thức ăn chăn nuôi tăng cao và tác động của việc hợp nhất 3F Việt. Ở chiều ngược lại, tỷ trọng các chi phí khác trên doanh thu thuần giảm do hiệu quả kinh doanh cải thiện nên doanh thu tăng trưởng mạnh hơn các loại chi phí này.
- Về mặt con số tuyệt đối, giá vốn hàng bán trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 9.823 tỷ Đồng, tăng 49% so với cùng kỳ năm 2020, tăng nhanh hơn mức tăng doanh thu thuần của Công Ty (42%) do kết quả của chi phí nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi heo tăng lên và tác động hợp nhất 3F Việt. Trong khi đó, chi phí bán hàng tại của Công Ty được kiểm soát chặt chẽ và giảm nhẹ 3% so với cùng kỳ năm 2020. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhẹ 3% lên 381 tỷ Đồng trong 6 tháng 2021 chủ yếu do chi phí khấu hao tăng lên. Chi phí tài chính trong 6 tháng đầu năm 2021 ở mức không đổi tương đương 255 tỷ Đồng.

6.5. Trình Độ Công Nghệ

Toàn bộ máy móc sản xuất thiết bị của MML đều được đầu tư theo công nghệ tiên tiến và khép kín từ khâu đầu đến khâu cuối 100%. Công nghệ cho phép MML sản xuất tất cả các chủng loại, các giai đoạn từ đậm đặc dạng bột, dạng mảnh, dạng viên các cỡ... đáp ứng nhu cầu chuyên biệt cho từng giai đoạn phát triển của con thú (ví dụ heo tập ăn, heo cai sữa) cũng như cho từng giống riêng biệt (như heo lai, heo siêu nạc). Công nghệ sản xuất của MML đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định và được các hộ chăn nuôi đánh giá cao. Gần đây nhất, MML đã đầu tư đón đầu nhằm thiết lập tiêu chuẩn mới cho người tiêu dùng, với công nghệ thịt mát của Châu Âu nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng về các sản phẩm.

6.6. Tình Hình Nghiên Cứu Và Phát Triển Sản Phẩm Mới

Đối với mảng thức ăn chăn nuôi:

Tại ANCO, bộ phận R&D của ANCO (chịu trách nhiệm về công thức sản xuất) được điều hành bởi cố đồng sáng lập ông Lee Meng Hong. Các thành phần nguyên vật liệu đầu vào được sử dụng một cách linh hoạt và có khả năng thay thế. Công thức sản xuất được điều chỉnh thường xuyên nhằm tối đa hoá lợi nhuận, được

xem xét hai tuần một lần. Bộ phận R&D của ANCO chịu trách nhiệm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới thông qua việc giữ quan hệ chặt chẽ với một số nhà cung cấp có uy tín; theo dõi chất lượng nguyên liệu và phản hồi của khách hàng đối với thành phẩm. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên R&D liên tục phát triển và cập nhật các công nghệ mới hướng tới mục tiêu tạo ra các sản phẩm giá trị cao.

Tại Proconco, Proconco có phòng công thức và phòng nghiên cứu phát triển, được hỗ trợ bởi phòng thí nghiệm. Nhiệm vụ chính của phòng công thức là quản lý công thức sản phẩm nhằm phục vụ cho việc mua nguyên liệu và sản xuất, sử dụng hệ thống tối ưu công thức trong phần mềm tên là LIBRA. Nhiệm vụ phòng nghiên cứu phát triển chủ yếu là tìm các nguyên liệu thay thế nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm giá thành, cũng như nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới. Phòng thí nghiệm của Proconco được trang bị hiện đại, như thiết bị phân tích đặc tính nguyên liệu bằng hồng ngoại NIR (Near Infrared Transmissions) có độ chính xác cao, thời gian phân tích ngắn.

Đối với mảng thịt chế biến:

Ở giai đoạn hiện tại, các tổ hợp chế biến thịt của MML tập trung cung cấp sản phẩm thịt mát và thịt chế biến từ thịt mát như giò lụa, giò thủ, chả bông và các sản phẩm khác. Trong tương lai, Công Ty sẽ nghiên cứu để ra mắt thêm nhiều sản phẩm mới như: bột huyết, huyết tương, collagen, bột thịt xương... với hàm lượng giá trị gia tăng cao hơn.

6.7. Tình Hình Kiểm Tra Chất Lượng Sản Phẩm/Dịch Vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Việc kiểm kê nguyên liệu chính và thành phẩm được thực hiện hàng ngày. Nguyên liệu và thành phẩm được kiểm soát chặt chẽ từ khâu kiểm soát đầu vào, đầu ra về số lượng, chỉ tiêu chất lượng. Công tác phân loại hàng, đảo hàng và bố trí lưu trữ hợp lý đáp ứng nhanh chóng cho nhu cầu sản xuất và vẫn đảm bảo chất lượng của nguyên liệu và thành phẩm. Số liệu nhập – xuất được phản ánh lên dữ liệu trung tâm. Công tác kiểm soát kho hàng được thực hiện thường xuyên, chất lượng của hàng hóa được bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm kiểm soát liên tục. Hàng hóa được bảo quản, chất xếp và đưa vào sản xuất theo hình thức FIFO (nhập trước xuất trước). Lượng nguyên liệu duy trì dự trữ tại kho là một tháng.

Tại ANCO, công ty áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm chặt chẽ nhằm đảm bảo rằng sản phẩm đáp ứng tất cả các quy định về tiêu chuẩn. Mẫu nguyên liệu và thành phẩm (thành phẩm được lấy mẫu mỗi 30 phút) được kiểm tra chất lượng, sau đó lưu trữ tại ANCO trong vòng 2 tháng. Mỗi mẫu được kiểm tra về hàm lượng protein, lipid, fiber, fat, calorie... Quy trình sản xuất được tạm dừng trong trường hợp kiểm tra cho thấy sản phẩm không đạt chất lượng yêu cầu. Những xét nghiệm thêm bên ngoài cũng được thực hiện tùy vào yêu cầu của các cơ quan chức năng liên quan. Ngoài ra, để tối ưu hoá lợi nhuận, ANCO cũng định kỳ thực hiện kiểm tra và đánh giá những nguyên liệu mới và thành phẩm thông qua bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trước khi cung cấp ra thị trường.

Tại Proconco, chất lượng là ưu tiên hàng đầu. Việc quản lý chất lượng được áp dụng cho thành phẩm và cả nguyên liệu đầu vào. Đối với nguyên liệu nhập khẩu, Proconco yêu cầu các nhà cung cấp bổ sung các chứng nhận chất lượng trước khi xuất hàng. Trước khi dỡ hàng tại cảng Việt Nam, nguyên vật liệu cũng sẽ được tiến hành kiểm tra mỗi mọt. Đối với thành phẩm, Proconco tiến hành kiểm tra mẫu với tất cả các đợt sản xuất trong ngày đối với thức ăn cho heo con và các sản phẩm thử nghiệm (khi phát triển sản phẩm mới) và một nửa các đợt sản xuất trong ngày đối với các sản phẩm khác. Nếu thành phẩm không đạt chất lượng đã đề ra, phòng kiểm tra chất lượng sẽ thông báo đến ban giám đốc và phòng sản xuất để xử lý. Proconco có các chính sách nội bộ liên quan đến việc dự trữ nguyên liệu để hạn chế rủi ro bị gián đoạn sản xuất nếu phát sinh các lô hàng nguyên liệu không đạt chất lượng theo yêu cầu.

Đối với thương hiệu thịt mát MEATDeli, các nhà máy Meat Hà Nam và Meat Long An được vận hành theo tiêu chuẩn BRC, là bộ tiêu chuẩn uy tín và cao nhất trong nhóm chuẩn về thực phẩm do Hiệp hội Bán lẻ Anh quốc thiết lập, và đạt chứng chỉ HACCP và do chính các chuyên gia giàu kinh nghiệm của EU trực tiếp vận hành, giám sát và kiểm nghiệm. Đồng thời, thịt mát MEATDeli đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN 12429:2018) về Thịt mát do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất và Bộ Khoa học Công nghệ công bố. Thịt mát MEATDeli áp dụng hệ thống kiểm soát “3 tuyến kiểm dịch” theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế, đảm bảo an toàn cho miếng thịt khi đến tay người sử dụng.

Liên quan đến thịt gia cầm trên cơ sở đầu tư vào 3F Việt, nhà máy chế biến của 3F Việt đạt các tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng như HACCP, ISO 22000, và đặc biệt là FSSC 22000 của Tổ chức FSSC 22000 có trụ sở tại Hà Lan. Nền tảng của 3F Việt là chuỗi giá trị trải đều từ con giống, trại ấp, trại thịt đến cơ sở chế biến và đóng gói quy mô lớn - tất cả đều đạt tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm cung cấp ra thị trường không tồn dư chất kháng sinh, không có hormone tăng trưởng, luôn đảm bảo yếu tố sạch, an toàn, được bổ sung các dưỡng chất có lợi cho sự phát triển cơ thể và trí não như DHA, các loại vitamin, Omega 3, 6, 9 và khoáng chất.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công Ty

Masan Institute of NutriScienc (“MINS”) là trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm của MML nhằm khám phá những bước tiến khoa học mới trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, phối giống và trang trại để tạo ra nguồn nguyên liệu tốt nhất cho mảng thịt chế biến. Đội ngũ chuyên gia MINS thường xuyên đi khảo sát thị trường và kiểm tra tại trang trại để đáp ứng đầu vào chất lượng tốt nhất cho tất cả sản phẩm thịt của Công Ty. Sản phẩm thịt của Công Ty đều được quản lý chất lượng nghiêm ngặt bởi đội ngũ QA, QC giàu kinh nghiệm do thịt mát MEATDeli được lưu trữ và phân phối trong hệ thống kho và vận chuyển lạnh ở nhiệt độ vàng 0-4 độ C nên yêu cầu về việc kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm rất cao.

6.8. Hoạt Động Marketing

Tiếp Thị

Các hoạt động marketing hiện nay của MML được đảm nhiệm bởi phòng bán hàng/kinh doanh. Tổng số nhân viên bán hàng của MML là hơn 700 nhân viên bán hàng trên khắp cả nước. Đội ngũ nhân viên marketing có trách nhiệm quản lý mối quan hệ với các nhà cung cấp, theo dõi tất cả các yếu tố thị trường nhằm nắm bắt xu hướng phát triển của thị trường và phát hiện các cơ hội mới (ví dụ nhu cầu tiềm năng đối với một loại sản phẩm nào đó). Bộ phận marketing cũng đồng thời quản lý đội ngũ các chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật, MML không chỉ bán sản phẩm mà còn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp người chăn nuôi đạt hiệu quả cao nhất khi sử dụng sản phẩm của MML. Đội ngũ kỹ thuật thực hiện vai trò hỗ trợ, tư vấn người chăn nuôi từ việc xây dựng chuồng trại đúng quy cách, cách lựa chọn con giống tốt, cách sử dụng đúng thuốc thú y và các kỹ thuật chăn nuôi có hiệu quả cao.

Các sản phẩm hàng tiêu dùng nông nghiệp của MML, đặc biệt là các sản phẩm có *Bio-zeem*, được quảng cáo rộng rãi trên kênh truyền hình quốc gia trong khung giờ cao điểm. Ngoài ra, MML cũng tập trung hỗ trợ kỹ thuật hoặc tổ chức các cuộc hội thảo để giới thiệu sản phẩm tới các khách hàng.

MEATDeli là sản phẩm thịt mát đầu tiên trong ngành thịt tươi phát quảng cáo trên ti vi. Mặc dù mới gia nhập vào ngành, MEATDeli được người tiêu dùng đón nhận rất tích cực, chiếm 40% thị phần thịt heo tươi của VinMart chỉ sau 3 tháng ra mắt, 85% người tiêu dùng tham gia khảo sát thích MEATDeli hơn những

loại hoặc thương hiệu thịt khác, 94% người tiêu dùng tham gia khảo sát sẽ trở lại để mua MEATDeli nhiều hơn 2 lần.

Khách Hàng Và Hệ Thống Phân Phối

MML có tổng cộng hơn 2.000 đại lý trên cả nước để phân phối các sản phẩm thức ăn chăn nuôi. Hợp đồng với đại lý thường kéo dài một năm. Thời gian trung bình đã hợp tác với các đại lý là năm, sáu năm. Ngoài các chương trình khuyến mãi cho các đại lý, MML cũng có các chương trình khuyến nông để hỗ trợ nông dân và góp phần tăng doanh số bán hàng cho các đại lý, cũng như củng cố lòng trung thành và tin tưởng của người nông dân trong việc sử dụng các sản phẩm của MML.

Mặc dù chúng tôi khuyến khích các đại lý của chúng tôi chỉ bán hoặc sản phẩm ANCO hoặc Proconco để tránh tình trạng cạnh tranh trực tiếp giữa 2 thương hiệu này, tuy nhiên một số đại lý vẫn bán cả hai dòng sản phẩm ANCO và Proconco.

Đối với mảng kinh doanh thịt và các sản phẩm từ thịt, các sản phẩm của MML đã có mặt ở các thành phố lớn là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, với hơn 1.700 điểm bán, bao gồm hệ thống siêu thị VinMart, cửa hàng VinMart+, siêu thị CoopMart, Big C, các cửa hàng MEATDeli và các đại lý phân phối.

6.9. Nhãn Hiệu Thương Mại, Đăng Ký Phát Minh Sáng Chế Và Bản Quyền

a. Măng thức ăn chăn nuôi

Tại thời điểm hiện tại, MNS Feed sở hữu 39 chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá và bao bì sản phẩm, trong đó biểu tượng của “Anco & Logo”, “Ba con chim bồ câu & Logo” là các nhãn hiệu hàng hóa cơ bản của ANCO. Tất cả các biểu tượng, tên nhãn hiệu và mẫu mã bao bì đó đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam.



ANCO đã được cấp 9 giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu bên ngoài Việt Nam, cụ thể là tại Campuchia. Hiện nay, các nhãn hiệu này đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho MML. ANCO cũng đã có được 28 chứng nhận đăng ký quyền tác giả được cấp bởi Cục Bản Quyền Tác Giả Việt Nam. Hiện tại tất cả chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã được chuyển nhượng sang cho MNS Feed.

Proconco sở hữu 3 nhãn hiệu hàng hóa (chữ “Con Cò”, chữ “Proconco” và Logo “Con Cò”) đã được cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, trong đó cả ba nhãn hiệu đều là nhãn hiệu cơ bản sử dụng trong tất cả các bao bì cũng như để đảm bảo việc nhận diện thương hiệu. Các nhãn hiệu này đã được đăng ký tại Việt Nam và logo biểu tượng Con Cò cũng đã được đăng ký bảo hộ ở Myanmar, Lào Campuchia và Malaysia, Nhãn hiệu “Proconco” đã được đăng ký ở Trung Quốc, Lào, Campuchia và Malaysia.

Proconco đã có được 1 chứng nhận đăng ký quyền tác giả được cấp bởi Cục Bản Quyền Tác Giả Việt Nam.

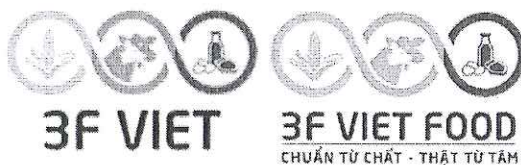


PROCONCO



b. Màng trang trại và thịt chế biến

3F Việt đang sở hữu 04 nhãn hiệu hàng hóa (chữ “3F Việt”, chữ “3F Viet Food”, chữ “3F Viet Farm”, chữ “3F Việt Feed”) đã được cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá đối với màng gia cầm, trong đó cả ba nhãn hiệu đều là nhãn hiệu cơ bản sử dụng trong tất cả các bao bì cũng như để đảm bảo việc nhận diện thương hiệu. Các nhãn hiệu này đã được đăng ký tại Việt Nam.



Công Ty cũng đang sở hữu 40 chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá và bao bì sản phẩm đối với màng thịt heo chế biến và thịt mát, trong đó “MEATDeli” là nhãn hiệu hàng hóa cơ bản của Công Ty. Tất cả các biểu tượng, tên nhãn hiệu và mẫu mã bao bì đó đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam.



6.10. Các Hợp Đồng Lớn Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Được Ký Kết

S T T	Tên hợp đồng	Đối tác tham gia hợp đồng	Mua/ Bán	Giá trị (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Nội dung
1	01112020/BAF-MHN-MSG	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Mua hàng	~ 1.063.650.000.000	01/11/2020	01/11/2020 - 31/12/2021	Heo hơi
2	11052021/JAPF A-MSG	Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam	Mua hàng	~ 283.500.000.000	11/05/2021	01/06/2021 - 31/12/2021	Heo hơi
3	479/2021/HUM/PCBH	Công Ty Cổ Phần HUM	Mua hàng	39.353.000.000	07/09/2021	07/09/2021 - 30/09/2021	Bắp hạt
4	494/2021/HUM/PCCT	Công Ty Cổ Phần HUM	Mua hàng	33.258.000.000	16/09/2021	16/09/2021 - 30/09/2021	Bã đậu nành
5	194/2021/HNS	Công Ty TNHH	Mua hàng	73.850.000.000	06/05/2021	01/06/2021 -	Khoai mì lát

S T T	Tên hợp đồng	Đối tác tham gia hợp đồng	Mua/ Bán	Giá trị (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Nội dung
	G/PCCT	TM Hồng Nga Sài Gòn				31/10/2021	
6	HĐ/000589/MB 2020-VM	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce	Bán hàng	Hợp đồng nguyên tất có doanh thu 06 tháng gần nhất: 688.141.231.634	01/08/2020	01/08/2020-31/12/2021	Thịt MEATDeli và các SP chế biến sẵn
7	030011/MK/M NS/2018	Ông Lê Hữu Lâm	Bán hàng	Hợp đồng nguyên tất có doanh thu 06 tháng gần nhất: 69.806.956.508	01/07/2018	Vô thời hạn	Thức ăn chăn nuôi
8	KFM-MSG-V000961	Công Ty Cổ Phần King Food Market	Bán hàng	Hợp đồng nguyên tất có doanh thu 06 tháng gần nhất: 67.340.583.583	23/09/2020	23/09/2020 - 31/12/2021	Thịt MEATDeli và các SP chế biến sẵn
9	140001/MK/M NS/2018	Ly Hong Choy Trading Co.,Ltd	Bán hàng	Hợp đồng nguyên tất có doanh thu 06 tháng gần nhất: 61.778.348.261	01/07/2018	Vô thời hạn	Thức ăn chăn nuôi
10	0021/MB/MML /2020	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kiên Trúc Haco	Bán hàng	Hợp đồng nguyên tất có doanh thu 06 tháng gần nhất: 43.113.447.612	17/04/2020	Vô thời hạn	Thức ăn chăn nuôi

Nguồn: Tổ Chức Niêm Yết

7. Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

7.1. Tóm Tắt Một Số Chỉ Tiêu Chủ Yếu Về Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh Của Công Ty Trong 02 Năm Gần Nhất Và Quý Gần Nhất

- Kết quả riêng lẻ

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản	9.216.705	12.795.395	38,83%	13.197.762
Vốn chủ sở hữu	3.114.849	3.022.730	-2,96%	3.023.112
Doanh thu thuần	9.218.311	9.942.819	7,86%	5.864.873
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	108.771	-116.094	-206,73%	193
Lợi nhuận khác	-426	150	-	190
Lợi nhuận trước thuế	108.346	-115.942	-207,01%	382
Lợi nhuận sau thuế	108.346	-115.942	-207,01%	382
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%) (ROE)	3,54%	-3,78%	-	0,01%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết.

- Kết quả hợp nhất

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản	14.711.395	17.957.454	22,06%	18.934.980
Vốn chủ sở hữu	7.523.196	8.463.214	12,49%	8.751.536
Doanh thu thuần	13.798.751	16.119.005	16,81%	10.231.848
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	509.687	684.346	34,27%	295.301
Lợi nhuận khác	58.243	-4.003	-106,87%	75.364
Lợi nhuận trước thuế	567.930	680.343	19,79%	370.665
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	369.715	492.202	33,13%	288.322
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	115.348	263.341	128,30%	289.553
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	254.367	228.861	-10,03%	-1.231
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%) (ROE)	2,19%	4,81%	-	5,03%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

Tài sản của công ty mẹ là 12.795 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 38,83% so với năm 2019, chủ yếu đến từ việc tăng khoản đầu tư vào hai công ty con của MML là MNS Feed (bằng việc góp thêm vốn đầu tư) và MNS Meat (bằng việc mua để nắm sở hữu trực tiếp thay vì sở hữu gián tiếp như năm 2019) với giá trị tăng lên mức 9.900 tỷ Đồng trong năm 2020 so với mức 6.870 tỷ Đồng trong năm 2019. Vốn chủ sở hữu của công ty mẹ là 3.022 tỷ Đồng trong năm 2020, giảm nhẹ 2,96% so với năm 2019 do lợi nhuận của công ty mẹ trong năm 2020 ở mức âm nên làm giảm giá trị của vốn chủ sở hữu công ty mẹ. Doanh thu thuần của công ty mẹ ở mức 9.943 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 7,86% so với năm 2019 do doanh thu thương mại hàng hóa tăng lên (chủ yếu là thức ăn chăn nuôi). Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ ở mức -116 tỷ Đồng trong năm 2020 so với mức 109 tỷ Đồng trong năm 2019 do sự sụt giảm trong thu nhập cổ tức từ các công ty con (năm 2020 công ty chỉ nhận được 83 tỷ Đồng cổ tức từ các công ty con so với mức 330 tỷ Đồng trong năm 2019).

Tài sản của hợp nhất của MML và các công ty con là 17.957 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng lên 22,06% so với năm 2019, chủ yếu do giá trị tài sản cố định của Công Ty tăng đáng kể khi Công Ty đã đầu tư và đưa vào tổ hợp chế biến thịt mát MEATDeli Sài Gòn trong năm 2020. Vốn chủ sở hữu hợp nhất của MML đạt 8.463 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 12,49% so với năm 2019 do lợi nhuận trong năm 2020 tăng mạnh nên làm giá trị vốn chủ sở hữu Công Ty tăng lên. Doanh thu thuần hợp nhất của MML ở mức 16.119 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 16,81% so với năm 2019 chủ yếu do doanh thu mảng thịt và trang trại tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2020. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của MML ở mức 492 tỷ Đồng trong năm 2020, tương đương mức tăng mạnh là 33,13% so với năm 2019 do doanh thu và biên lợi nhuận gộp của Công Ty

cải thiện tích cực nhờ vào mảng thịt mát đạt hiệu quả kinh doanh tốt.

7.2. Những Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh Của Công Ty Trong Năm Báo Cáo

7.2.1. Thuận Lợi

Tổ Chức Niêm Yết đã đầu tư mạnh vào R&D tại ANCO và Proconco, quản lý hoạt động R&D các sản phẩm mới bằng cách giữ các mối quan hệ chặt chẽ với các nhà cung cấp có uy tín, nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm chi phí. Tổ Chức Niêm Yết cũng đã gặt hái nhiều thành công với các sản phẩm mới chứa Bio-zeem, thương hiệu enzyme độc quyền của MML nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch của heo và cải thiện tỷ lệ chuyển đổi thức ăn.

Tổ Chức Niêm Yết đã tích hợp và thay đổi toàn diện các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi thành những công ty “theo mô hình hàng tiêu dùng nhanh FMCG”, xây dựng nền tảng 3F nhằm tiếp cận và phục vụ người tiêu dùng các sản phẩm thịt an toàn với giá cả phải chăng. Với việc động thổ trang trại nuôi heo công nghệ cao quy mô 10.000 nái tại Nghệ An tháng 11 năm 2016 và quan hệ hợp tác chiến lược với Vissan tháng 3 năm 2016, Tổ Chức Niêm Yết đã thiết lập được các nền tảng quan trọng để phát triển chuỗi giá trị gia tăng trong ngành hàng thịt, có khả năng mang lại sự thay đổi vượt trội trong ngành kinh doanh thịt heo có giá trị lên đến 10,2 tỷ USD. Chiến lược thịt có thương hiệu đang được thực hiện hóa, trong khi kinh doanh thức ăn chăn nuôi ổn định trong nửa đầu năm 2019. Chỉ một tháng sau khi tổ hợp chế biến thịt Meat Hà Nam mở cửa trở lại do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi (ASF), doanh số MEATDeli đã được khôi phục lại trạng thái trước dịch. Qua đó cho thấy chất lượng sản phẩm cũng như sản phẩm thịt mát có thương hiệu của MML đã đánh trúng vào nhu cầu của người tiêu dùng. Cùng với đó, việc gia tăng kênh phân phối cũng giúp sản phẩm của MML gia tăng tiếp cận đến người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của MML trong thời gian tới.

Ngoài ra, yếu tố thuận lợi đối với MML đến từ sự tăng trưởng ổn định về dài hạn của ngành nhờ vào sự gia tăng dân số, cải thiện thu nhập trên đầu người và nhu cầu tiêu thụ thịt sạch tại Việt Nam, góp phần tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi công nghiệp tiếp tục phát triển. Bên cạnh đó, Chính Phủ, đặc biệt là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã luôn không ngừng đưa ra những chủ trương ưu tiên tái cơ cấu ngành chăn nuôi heo trên cơ sở dựa vào doanh nghiệp lớn để tạo ngành sản xuất hàng hóa, đầu tư công nghệ cao, sản xuất theo chuỗi, gắn sản xuất với chế biến và xúc tiến thương mại, kết nối thị trường... Các chính sách này là điểm tựa vững chắc để MML có được đà tăng trưởng ổn định và bền vững.

7.2.2. Khó Khăn

Ngành chăn nuôi ở Việt Nam thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ dịch bệnh vì tình trạng vệ sinh chuồng trại cũng như chất lượng con giống yếu. Những năm qua Việt Nam thường xuyên gánh chịu các đợt dịch bệnh trên diện rộng như dịch lở mồm long móng (FMD), dịch tiêu chảy cấp tính của heo con (PED), bệnh tai xanh (PRRS) hay dịch tả lợn Châu Phi (ASF) lan truyền gần đây. Dịch bệnh đã gây tổn hại rất lớn cho người chăn nuôi cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi và tốc độ mở rộng mạng lưới phân phối trong ngành thịt của MML.

Dịch tả lợn bùng phát từ năm 2019 và kéo dài trong năm 2020 khiến hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành chăn nuôi nói chung và của MML nói riêng gặp nhiều thách thức. Giá thịt lợn hơi đã có những diễn biến khó đoán trong suốt năm tài khóa, từng rơi xuống mức dưới 30.000 Đồng/kg do áp lực bán tháo, gây ra rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp. Hiện giá thịt heo tuy đã ổn định trở lại, dao động từ 40.000 Đồng đến 48.000 Đồng/kg.

Bên cạnh đó, diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 cũng khiến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết gặp nhiều khó khăn. Đại dịch làm cho mức chi tiêu của người dân Việt Nam bị ảnh hưởng, điều đó làm giảm mức độ tiêu dùng cho các sản phẩm của Công Ty nói riêng và các doanh nghiệp trong ngành nói chung.

8. Vị Thế Của Công Ty So Với Các Doanh Nghiệp Khác Trong Cùng Ngành

8.1. Vị Thế Của Tổ Chức Niêm Yết So Với Các Doanh Nghiệp Khác Trong Cùng Ngành

Đối với mảng thức ăn chăn nuôi

Thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, hiện nay ở Việt Nam có khoảng 265 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, trong đó có 85 nhà máy thuộc doanh nghiệp nước ngoài (chiếm tỷ lệ 32%), 180 nhà máy thuộc doanh nghiệp trong nước (chiếm 68%). Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước đang yếu thế về năng lực cạnh tranh so với doanh nghiệp nước ngoài. Theo đó, các doanh nghiệp nước ngoài chiếm 65% thị phần, 35% thị phần còn lại do doanh nghiệp trong nước nắm giữ. Với việc sở hữu 13 nhà máy thức ăn chăn nuôi với tổng công suất lên đến 3,78 triệu tấn thức ăn chăn nuôi, MML là một trong hai doanh nghiệp có quy mô lớn nhất ngành thức ăn chăn nuôi Việt Nam và là doanh nghiệp nội địa có quy mô lớn nhất. Đặc biệt, Proconco tự hào nằm trong danh sách 80 nhà sản xuất thức ăn gia súc tốt nhất thế giới của tạp chí Feed International Magazine.

Với hệ thống nhà máy khắp cả nước với các chủng loại sản phẩm đa dạng từ thức ăn gia súc (heo, bò), gia cầm (gà, vịt, chim cút) đến thủy sản (cá, tôm) và thương hiệu lâu đời giúp MML có lợi thế đáng kể trong việc tối ưu hóa chi phí sản xuất nhờ lợi thế quy mô để giúp Công Ty chiếm lĩnh thị trường. Đặc biệt, trong những giai đoạn thị trường khó khăn như giai đoạn những năm vừa qua, MML vẫn giữ được giá bán cạnh tranh để duy trì thị phần, hỗ trợ người nông dân để duy trì được mức tăng ổn định ở mảng kinh doanh này.

Ngoài ra, Công Ty còn sở hữu năng lực R&D mạnh mẽ với minh chứng là việc tung ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mạnh trên thị trường. Công Ty có các phòng R&D tại các công ty ANCO và Proconco, chịu trách nhiệm R&D các sản phẩm mới bằng cách giữ các mối quan hệ chặt chẽ với các nhà cung cấp có uy tín, giám sát chất lượng nguyên vật liệu và các phản hồi của khách hàng về các sản phẩm, quản lý công thức cho các sản phẩm và tìm kiếm nguyên vật liệu thay thế nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm chi phí. Công Ty đã đặt trọng tâm đặc biệt vào việc chuyển đổi thị phần tiêu dùng nông nghiệp và phát triển các sản phẩm có thương hiệu sáng tạo. Đặc biệt, Bio-zeem là thương hiệu enzyme độc quyền của MML nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch của heo và cải thiện tỷ lệ chuyển đổi thức ăn. Công Ty đã tiếp thị Bio-zeem với đặc trưng giá trị gia tăng mà có thể thấy được trong dòng các sản phẩm tiêu dùng nông nghiệp, mang lại cho các sản phẩm này lợi thế to lớn trong thị trường hàng hóa truyền thống mà ở đó người nông dân không thể phân biệt các sản phẩm.

Đối với mảng thịt và sản phẩm từ thịt

Lợi thế của công ty đến từ việc đi tiên phong trong ngành thịt mát và sở hữu một mô hình 3F hoàn chỉnh. Trong 5 năm qua, MML cũng đã chuyển đổi mô hình kinh doanh sản phẩm nông nghiệp sang mô hình kinh doanh thịt đóng gói có thương hiệu phục vụ cho người tiêu dùng và tập trung phát triển ngành thịt. Theo đó, chuỗi giá trị thịt của MML đã hoàn chỉnh theo mô hình 3F, bao gồm 13 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi với tổng công suất 3 triệu tấn/năm, trang trại chăn nuôi keo kỹ thuật cao tại Nghệ An với sản lượng 230.000 con heo thịt mỗi năm và hai tổ hợp chế biến thịt tại Hà Nam và Long An có tổng công suất 2,8 triệu con heo mỗi năm, tương đương 280.000 tấn theo tiêu chuẩn Châu Âu. Đối với hệ thống phân phối, việc hệ thống MEATDeli tiếp tục mở rộng quy mô và hệ thống phân phối sau thương vụ sáp nhập VCM vào MSN đã giúp MML trở thành một trong những doanh nghiệp có hệ thống phân phối thịt mát có lợi thế vượt trội so với các sản phẩm thịt khác.

Nhìn chung, là một doanh nghiệp tiên phong trong thị trường thịt mát trong giai đoạn đầu phát triển (theo ước tính của Công Ty, tổng lượng tiêu thụ thịt heo của Việt Nam lên tới 10,2 tỷ USD mỗi năm, trong đó tỷ lệ thịt tươi chiếm 98%), sản phẩm nhận diện thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, công nghệ chế biến hiện đại, giá cả hợp lý và an toàn là lợi thế của MML khi dần chiếm được niềm tin của người tiêu dùng hiện đại. MML kỳ vọng đến năm 2022 có thể đạt doanh thu 2 tỷ USD tại thị trường Việt Nam với đóng góp 50% từ các sản phẩm thịt có thương hiệu và đạt được 15% thị phần giá trị của thị trường thịt. Đến năm 2022, Công Ty kỳ vọng hệ thống phân phối của mình sẽ có hơn 300 cửa hàng Meat Deli, hơn 4.400 đại lý và 500 cửa hàng trong cửa hàng trên toàn quốc.

8.2. Triển Vọng Phát Triển Của Ngành

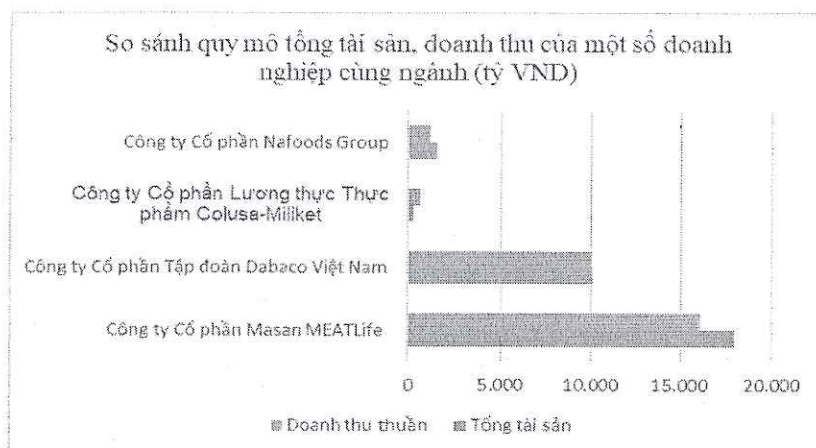
Hiện nay, dựa trên các dữ liệu được thu thập từ Tổ Chức Lương Thực Và Nông Nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) và Tổng Cục Thống Kê Việt Nam, mức tiêu thụ thịt trên đầu người của Việt Nam chỉ ở mức 40 kg/năm, thấp hơn nhiều so với các nước khác như Trung Quốc (60 kg), Mỹ (trên 100 kg), EU (75 kg), Hàn Quốc (65 kg). Sự gia tăng dân số, cải thiện thu nhập trên đầu người và nhu cầu tiêu thụ thịt sạch, truy xuất được nguồn gốc tại Việt Nam sẽ góp phần tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi công nghiệp tiếp tục phát triển.

Bên cạnh đó, ngành chăn nuôi Việt Nam hiện nay tuy vẫn còn nhỏ lẻ và manh mún nhưng Chính Phủ Việt Nam đã và đang có những chiến lược mạnh mẽ nhằm phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, quy mô tập trung. Điều này đã và đang tạo điều kiện cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp tiếp tục phát triển. Bên cạnh đó, thức ăn chăn nuôi công nghiệp có lợi thế tăng năng suất chăn nuôi, rút ngắn thời gian nuôi và do đó cải thiện lợi nhuận cho nông dân. Với mức độ tiếp cận thông tin ngày một cải thiện của các hộ nông dân, hiểu biết về lợi ích của thức ăn chăn nuôi công nghiệp sẽ tiếp tục thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Theo Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp đã tăng trưởng mạnh, khoảng 15%/năm trong 10 năm và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng với mức 7 – 8% /năm trong vòng 5 năm tới. Hiện nay thức ăn chăn nuôi công nghiệp chiếm khoảng 50 – 60% thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo sẽ tiếp tục tăng trong tương lai.

Mặc dù thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam có trên 200 công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi nhưng quá trình hợp nhất đã, đang và được kỳ vọng sẽ tiếp tục diễn ra do trong những năm vừa qua. Thị trường khó khăn do phải đối mặt với nhiều khó khăn (như dịch bệnh, thiếu nguồn vốn) đã dẫn đến việc các công ty con, yếu kém năng lực tài chính và quản lý bị đào thải. Tương lai với các hiệp định thương mại tự do của ASEAN bắt đầu có hiệu lực sẽ khiến cho nhiều công ty không có lợi thế cạnh tranh tiếp tục bị đào thải. Do đó, xu thế mua bán sáp nhập trong ngành thức ăn chăn nuôi sẽ là cơ hội lớn cho các công ty có tiềm lực tài chính, quy mô lớn, năng lực quản trị mạnh tiếp tục vươn lên dẫn đầu thị trường. MML, với chiến lược phát triển tập trung vào mô hình 3F độc đáo sẽ có cơ hội để biến thách thức của thị trường thành những thành công của mình và thực hiện mục tiêu dẫn đầu trong việc cung cấp cho người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm có chất lượng.

Thị trường thịt heo là mảng lớn nhất trong ngành F&B (thực phẩm và đồ uống) của Việt Nam với thị trường có giá trị hơn 10 tỷ USD, gấp 2,5 lần quy mô thị trường sữa. Tuy nhiên, đây là thị trường chưa được chuẩn hóa, còn rời rạc và chưa có nhiều sản phẩm an toàn cho sức khỏe. Dư địa của thị trường này vẫn còn rất lớn và bài toán của các doanh nghiệp trong ngành cần phải làm là làm sao giành lấy thị phần của kênh truyền thống với 98% sản lượng tiêu thụ là thịt tươi. Thói quen tiêu dùng thay đổi đang ủng hộ các doanh nghiệp trong ngành khi số lượng cửa hàng tiện ích và mua sắm trực tuyến ngày càng nở rộ, người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến các sản phẩm có thể truy xuất được nguồn gốc. Điều này tạo điều kiện cho sản phẩm thịt mát MEATDeli của MML có nhiều tiềm năng để tăng trưởng.

8.3. So Sánh Về Tình Hình Tài Chính Và Hoạt Động Kinh Doanh Của Các Doanh Nghiệp Cùng Ngành



Nguồn: Vietstock, 2021

8.4. Đánh Giá Về Sự Phù Hợp Định Hướng Phát Triển Của Tổ Chức Niêm Yết So Với Định Hướng Của Ngành, Chính Sách Của Nhà Nước, Xu Thế Chung Trên Thế Giới

Hiện tại, lĩnh vực thịt mát đã phát triển trên thị trường quốc tế, nhưng chưa phổ biến ở thị trường Việt Nam nên vẫn chưa có định hướng, chính sách rõ ràng từ Nhà nước. Có thể nói MML đang là đơn vị tiên phong thử nghiệm.

Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh hiện tại, các tiêu chí về nâng cao nguồn gốc, chất lượng, độ sạch của thực phẩm... đang là mục tiêu hướng tới của Nhà nước Việt Nam. Hòa cùng đường lối đó của Nhà nước, và cũng là xu hướng chung của thế giới, MML cũng đặt những tiêu chí trên làm mục tiêu hướng tới nhằm có thể mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm sạch, nguồn gốc rõ ràng với mức giá vừa túi tiền của đại đa số người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, Công Ty đã không còn mở mới các nhà máy thức ăn chăn nuôi mà tập trung hoàn toàn nguồn lực vào mảng thịt và chế biến thịt. Điều này phù hợp với định hướng chiến lược phát triển chăn nuôi Việt Nam, định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2040 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi cơ quan này cho biết việc xây mới các nhà máy thức ăn chăn nuôi ở một số khu vực trên cả nước nên được hạn chế. Ngoài ra, định hướng kinh doanh của MML cũng phù hợp với chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2020-2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi chủ trương ưu tiên tái cơ cấu ngành chăn nuôi heo trên cơ sở dựa vào doanh nghiệp lớn để tạo ngành sản xuất hàng hóa, đầu tư công nghệ cao, sản xuất theo chuỗi, gắn sản xuất với chế biến và xúc tiến thương mại, kết nối thị trường.

9. Chính Sách Đối Với Người Lao Động

9.1. Số Lượng Người Lao Động Trong Công Ty

Công Ty sử dụng 741 lao động tính đến ngày 30 tháng 08 năm 2021.

Bảng dưới đây thể hiện tổng số lao động (không bao gồm lao động công nhật) và thu nhập bình quân tính đến ngày 30 tháng 08 năm 2021:

Năm	2018	2019	2020	30/08/2021
Tổng số nhân viên (người), trong đó:	1.072	1.112	960	866
- Nhân sự người Việt Nam (người)	1.068	1.107	956	842
- Nhân sự người nước ngoài (người)	4	5	4	4
Thu nhập bình quân/tháng (VND) của người Việt Nam	23.561.605	24.586.206	26.835.163	28.005.354

9.2. Chính Sách Đối Với Người Lao Động

Chế độ làm việc

Công Ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Cán bộ nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ và nghỉ phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Cán bộ nhân viên có quyền lợi được cấp phát trang thiết bị làm việc đầy đủ và được hỗ trợ một số khoản phụ cấp nhằm đảm bảo hoàn thành công việc.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Để thu hút những nhân sự có năng lực cũng như tạo điều kiện để nhân viên yên tâm gắn bó lâu dài với Công Ty, Ban lãnh đạo đã xây dựng chính sách lương, thưởng cạnh tranh, phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của nhân viên nhằm ghi nhận đúng sự đóng góp, kết quả công việc của từng cá nhân. Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động và đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đầy đủ. Ngoài ra, Công Ty cũng thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách với người lao động như tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ...

Chính sách đào tạo

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên là một trong những công tác được ưu tiên hàng đầu của MML. Với mục tiêu là xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên (1) thành thạo về nghiệp vụ, (2) chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, (3) chuyên nghiệp trong phong cách làm việc, và (4) nhiệt tình phục vụ khách hàng; Công Ty đã đưa ra những chính sách đào tạo phù hợp với từng nhân viên và bộ phận.

10. Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Tổ Chức Niêm Yết

10.1. Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu

Trong thời hạn của Trái Phiếu, trên cơ sở nhu cầu vốn hoạt động và trên cơ sở tự cân đối nguồn vốn, Tổ Chức Niêm Yết có thể sẽ cân huy động thêm vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu riêng lẻ hoặc phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

10.2. Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Tổ Chức Niêm Yết

Tổ Chức Niêm Yết có thể sẽ phát hành nhiều trái phiếu bao gồm trái phiếu có tài sản bảo đảm và trái phiếu không có tài sản bảo đảm. Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, có thứ tự thanh toán ngang bằng với các nghĩa vụ chung không phải là nợ thứ cấp và không được bảo đảm khác (dù là nghĩa vụ hiện tại hay tương lai) của Tổ Chức Niêm Yết (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo quy định của pháp luật). Các Trái Phiếu có các quyền, lợi ích ngang nhau và không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào so với bất kỳ Trái Phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.

Khi thanh lý tài sản của Công Ty nhằm mục đích giải thể hay phá sản Công Ty, Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán sau các nghĩa vụ nợ đối với người lao động và Nhà nước nhưng trước so với các khoản phân

chia cho cổ đông của Công Ty. Đối với những trái phiếu có tài sản đảm bảo, tài sản đảm bảo sẽ được xử lý để thanh toán cho nghĩa vụ trái phiếu cụ thể đó. Trong trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty, các đối tượng (bao gồm các chủ sở hữu của Trái Phiếu) sẽ có cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

11. Tình Hình Hoạt Động Tài Chính

11.1. Các Chỉ Tiêu Cơ Bản

a) Trích khấu hao TSCĐ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản phù hợp với Quyết định số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính là như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	:	04 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	:	02 – 25 năm
Phương tiện vận chuyển	:	03 – 25 năm
Dụng cụ văn phòng	:	03 – 25 năm
Vật nuôi	:	04 năm

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của MML

b) Mức lương bình quân

Mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên người Việt Nam của Tổ Chức Niêm Yết tại thời điểm 25 tháng 08 năm 2021 là 28.005.354 VND (ba mươi triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm chín mươi bốn Đồng)/người/tháng, nằm ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Tổ Chức Niêm Yết đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, và các khoản phải trả và phải nộp khác đã được Tổ Chức Niêm Yết thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Các loại thuế, phí, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được Tổ Chức Niêm Yết thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn. Cụ thể các khoản phải nộp theo luật định chi tiết như sau:

Các loại thuế	31/12/2019 (triệu VND)	31/12/2020 (triệu VND)	30/06/2021 (triệu VND)
---------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------

Thuế giá trị gia tăng	19.100	2.853	5.800
Thuế xuất nhập khẩu	124	43	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.076	77.110	76.107
Thuế thu nhập cá nhân	14.750	9.175	3.745
Các loại thuế khác	-	7	-
Tổng cộng	100.051	89.188	85.652

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020, và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Năm 2020, Tổ Chức Niêm Yết không thực hiện trích các quỹ nhằm ưu tiên nguồn lợi nhuận để lại vào việc đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết. Việc trích lập các quỹ sẽ được thực hiện theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hàng năm của Tổ Chức Niêm Yết.

f) Tổng dư nợ vay:

Chỉ tiêu	31/12/2019 (triệu VND)	31/12/2020 (triệu VND)	30/06/2021 (triệu VND)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.782.758	5.252.694	5.865.530
Vay ngắn hạn (i)	1.334.292	2.762.891	3.224.027
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	448.466	497.581	594.784
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	5.713	50.003
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	1.986.509	1.996.716
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.173.253	1.587.929	1.676.782
Vay dài hạn (ii)	1.638.721	2.080.291	1.966.381
Trái phiếu (*)	1.982.998	1.986.510	1.996.716
Nợ thuê tài chính dài hạn		10.931	355.188
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-448.466	-2.489.803	-2.641.503
Tổng	4.956.011	6.840.623	7.542.312

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020, và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

(*) Các trái phiếu này được phát hành bởi công ty con của Tổ Chức Niêm Yết và được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổ Chức Niêm Yết theo nguyên tắc kế toán của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Bảng dưới đây liệt kê chi tiết các khoản trái phiếu của Công Ty và các công ty con đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021:

STT	Mô tả công nợ	Bên vay	Bên cho vay	Khoản tiền nợ gốc (triệu VND)	Năm đáo hạn	Lãi suất (Năm đầu, Biên độ các năm sau ¹)	Số dư còn lại tại thời điểm 30/6/2021 ²
1	Trái phiếu tiền Đồng có tài sản bảo đảm	ANCO	Trái chủ	1.300.000	2021	7,0%; +1,5%	1.300.000
2	Trái phiếu tiền Đồng có tài sản bảo đảm	ANCO	Trái chủ	700.000	2021	8,0%; +3,0%	700.000
	<i>Trừ: Chi phí phát hành</i>						-3.284
	Giá trị ghi sổ của trái phiếu						1.996.716

Nguồn: BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

Trái phiếu được bảo đảm của Công Ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm:

- Trái phiếu 1.300.000 triệu VND được bảo đảm bằng 10,53% vốn góp của MNS Feed và 99,99% vốn góp của MNS Meat (1/1/2021: 10,53% vốn góp của MNS Feed).
- Trái phiếu 700.000 triệu VND được đảm bảo bằng 14,4 triệu cổ phiếu của Proconco và 17,1 triệu cổ phiếu của ANCO (1/1/2021: 14,4 triệu cổ phiếu của Proconco).

(i) Chi tiết các khoản vay và thuê tài chính tài chính ngắn hạn cụ thể như sau:

STT	Mô tả công nợ	Loại tiền	Dư nợ tại 31/12/2019 (triệu Đồng)	Dư nợ tại 31/12/2020 (triệu Đồng)	Dư nợ tại 30/06/2021 (triệu Đồng)
1.	Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm	VND	-	49.776	34.611
2.	Các khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	1.334.292	2.313.114	3.049.416
3.	Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan	VND	-	400.000	140.000
	Tổng		1.334.292	2.762.891	3.224.027

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020, và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

¹ Lãi suất cho các năm tiếp theo được tính bằng tổng của bình quân lãi suất của các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng thương mại có tên tuổi ở Việt Nam và cộng biên độ.

² Số dư trái phiếu tại thời điểm 30/6/2021 được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

(ii) Chi tiết các khoản vay và thuê tài chính tài chính dài hạn cụ thể như sau:

STT	Mô tả công nợ	Loại tiền	Dư nợ tại 31/12/2019 (triệu VND)	Dư nợ tại 31/12/2020 (triệu VND)	Dư nợ tại 30/06/2021 (triệu VND)
1	Các khoản vay bằng ngoại tệ từ các ngân hàng được đảm bảo	USD	-	-	-
2	Các khoản vay bằng ngoại tệ từ các ngân hàng không được đảm bảo	USD	-	-	-
3	Các khoản vay bằng tiền Đồng từ các ngân hàng được đảm bảo	VND	1.638.721	2.080.291	1.966.381
4	Các khoản vay bằng tiền Đồng từ các ngân hàng không được đảm bảo	VND	-	-	-
Tổng			1.638.721	2.080.291	1.966.381

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020, và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

g) Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu:

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.063.739	1.990.002	2.026.187
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	374.452	627.931	747.668
Trả trước cho người bán ngắn hạn	678.682	85.725	113.634
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.290.000	1.140.000
Phải thu ngắn hạn khác	116.349	77.308	110.500
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(105.744)	(92.115)	(85.615)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.152	-
Các khoản phải thu dài hạn	16.507	32.406	31.456
Phải thu dài hạn khác	16.507	32.406	31.456

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

- Các khoản phải trả:

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Các khoản phải trả ngắn hạn	3.491.877	7.369.796	7.990.932
Phải trả người bán ngắn hạn	857.647	1.211.902	1.417.459

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20.315	40.215	49.318
Thuế phải nộp Nhà nước	100.051	89.188	85.652
Phải trả người lao động	5	6.742	287
Chi phí phải trả ngắn hạn	684.459	719.524	550.758
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		733	952
Phải trả ngắn hạn khác	40.910	43.067	15.246
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.782.758	5.252.694	5.865.530
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.731	5.731	5.731
Các khoản trả dài hạn	3.696.322	2.124.444	2.192.512
Phải trả dài hạn khác	4.960	2.660	3.740
Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	3.173.253	1.587.929	1.676.782
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	488.104	499.705	478.391
Dự phòng phải trả dài hạn	30.005	34.151	33.598

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

h) Các chỉ tiêu khác

- Hàng tồn kho

Đơn vị: triệu VND

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/6/2021
Hàng mua đang đi trên đường	167.454	459.085	482.092
Nguyên vật liệu	854.900	1.168.507	1.445.439
Công cụ và dụng cụ	98.634	103.157	106.773
Sản phẩm dở dang	167.771	311.633	403.071
Thành phẩm	260.041	218.246	257.396
Hàng hóa	1.520	1.715	1.531
Tổng	1.550.321	2.262.342	2.696.302
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>-21.119</i>	<i>-27.610</i>	<i>-30.189</i>
Giá trị hàng tồn kho	1.529.202	2.234.732	2.666.113

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

- Đầu tư tài chính ngắn và dài hạn

Đơn vị: triệu VND

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/6/2021
Đầu tư tài chính ngắn hạn	156.400	134.950	827.505
Chứng khoán kinh doanh	-	-	804.055
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	156.400	134.950	23.450
Đầu tư tài chính dài hạn	2.173.141	2.171.510	2.172.572
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.159.937	2.146.549	2.146.096
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	21.646	30.589	30.589
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(8.442)	(5.628)	(4.113)
Tổng	2.329.541	2.306.460	3.000.077

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

11.2. Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,24	0,84
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,80	0,54
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	48,86%	52,87%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	95,55%	112,18%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
Vòng quay tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,00	0,99
Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	3,52	3,06
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,90	7,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,68%	3,05%

Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân ³	1,33%	3,29%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,7%	1,61%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (Đồng)	356	810

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và năm 2020 của Tổ Chức Niêm Yết

12. Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Giám Đốc, Kế Toán Trưởng

12.1. Hội Đồng Quản Trị

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về HĐQT của MML:

Tên	Tuổi	Số CMND/CCCD/Passport	Chức vụ
Ông Danny Le	37	565709439	Chủ Tịch HĐQT
Ông Phạm Trung Lâm	48	082073000216	Thành Viên HĐQT điều hành
Ông Trần Phương Bắc	47	027074000266	Thành Viên HĐQT không điều hành
Ông Huỳnh Việt Thăng	48	001073013646	Thành Viên HĐQT độc lập
Ông Neal Leroux Kok	35	PE0410536	Thành Viên HĐQT không điều hành

Ông Danny Le - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Danny Le
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1984
- Số Passport: 565709439
- Quốc tịch: Mỹ
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân, Loại giỏi, Cao đẳng Bowdoin
- Quá trình công tác:
 - Từ 2006 đến 2010: Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư (Analyst, Investment Banking Division) - Morgan Stanley
 - Từ 2010 đến 6/2020: Giám đốc Chiến Lược và Phát Triển (Head of Strategy & Development) - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - Từ 4/2015 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
 - Từ 01/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
 - Từ 01/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH

³ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

	Masan Brewery
• Từ 03/2016 đến 01/2018:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
• Từ 01/2018 đến nay:	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
• Từ 04/2018 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
• Từ 04/2019 đến nay:	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
• Từ 23/8/2019 đến nay:	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Blue
• Từ 4/2019 đến nay:	Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo.
• Từ 6/2020 đến nay	TGD - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
• Từ 3/2020 đến nay:	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Blue Tek Việt Nam
• Từ 6/2020 đến nay:	Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH The Sherpa
• Từ 6/2020 đến nay:	Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ Phần The CrownX
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials; • Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Blue; • Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan; • Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings; • Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Masan Brewery; • TGD - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; • Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Blue Tek Việt Nam; • Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH The Sherpa; • Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ Phần The CrownX; • Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo.
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại 31/08/2021):	257.248.169 cổ phần, chiếm tỷ lệ 78,74% vốn điều lệ
+ Đại diện cho MSN sở hữu:	257.248.169 cổ phần, chiếm tỷ lệ 78,74% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại 31/08/2021):	1.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,46% vốn điều lệ
+ Nguyễn Thị Mỹ Anh (vợ)	1.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,46% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không có

Ông Phạm Trung Lâm - Thành Viên HĐQT điều hành

-
- | | |
|--|---|
| - Họ và tên: | Phạm Trung Lâm |
| - Giới tính: | Nam |
| - Năm sinh: | 1973 |
| - Số CCCD: | 082073000216 |
| - Quốc tịch: | Việt Nam |
| - Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: | Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Kinh tế TP. HCM |
| - Quá trình công tác: | |
| • Từ 1995 đến 2001: | Giám đốc kinh doanh miền Trung - Unilever Việt Nam |
| • Từ 2001 đến 2005: | Giám Đốc Kinh doanh kênh siêu thị - Nestle Việt Nam |
| • Từ 2005 đến 2011: | Phó TGD phụ trách kinh doanh - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan |
| • Từ 2011 đến 2014: | TGD - Vietbev |
| • Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch HĐQT và TGD - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế |
| • Từ 4/2015 đến nay: | Chủ tịch HĐQT và TGD - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc |
| • Từ 03/2016 đến 04/2017: | Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife |
| • Từ 04/2017 đến nay: | Thành viên HĐQT và TGD - Công ty Cổ phần Masan MEATLife |
| • Từ 05/2016 đến nay: | Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản |
| • Từ 3/2017 đến nay: | Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed |
| • Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang |
| • Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An |
| • Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long |
| • Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên |
| • Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang |
| • Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định |
| • Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định |
| • Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên |
| • Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ |
| • Từ 2016 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An |
| • Từ 2016 đến nay: | Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH |

- Từ 2017 đến nay:
 - Từ 4/2019 đến nay:
 - Từ 11/2020 đến nay:
 - Từ 2010 đến nay:
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty :
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- MNS Meat
- Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam
- Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là "Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn")
- Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần 3F Việt
- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai
- Thành viên HĐQT và TGD
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Meat;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn;
 - Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed;
 - Chủ tịch HĐQT, TGD- Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Một thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản;
 - Chủ tịch HĐQT, TGD - Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Một thành viên Proconco Cần Thơ;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Một thành viên Con cò Bình Định;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên;
 - Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần 3F Việt.

- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại 31/08/2021): 2.201.020 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,67% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 2.201.020 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,67% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại 31/08/2021): Không có
- Những khoản nợ đối với Công Ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công Ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty: Không có

Ông Trần Phương Bắc - Thành Viên HĐQT không điều hành

- Họ và tên: Trần Phương Bắc
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1974
- Số CCCD: 082073000216
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Luật tại Đại học Groningen, Hà Lan
- Quá trình công tác:
 - Từ 1996 đến 2000: Giảng viên - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
 - Từ 2000 đến 2006: Luật sư - Công ty Unilever Việt Nam
 - Từ 2006 đến 2009: Luật sư - Công ty Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam
 - Từ 2009 đến 2013: Luật sư - Công ty Luật hợp danh Luật Việt
 - Từ 2009 đến nay: Công ty do ông Trần Phương Bắc sở hữu 100% - Công ty Luật TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Chứng khoán
 - Từ 2013 đến nay: Luật sư trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - Từ 12/2015 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
 - Từ 3/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed
 - Từ 7/2016 đến nay: Giám đốc - Masan Consumer (Thailand) Limited
 - Từ 5/2017 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
 - Từ 2017 đến nay: Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Meat Processing
 - Từ 01/2018 đến nay: Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Farm
 - Từ 3/2019 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Jinju
 - Từ 4/2019 đến nay: TGD - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn)
 - Từ 23/8/2019 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Blue
 - Từ 6/2020 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH The Sherpa

- Từ 6/2020 đến nay:
- Từ 6/2020 đến nay:
- Từ 5/2016 đến nay:
- Từ 4/2018 đến nay:
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM
 - Giám đốc - Công ty TNHH MNS Meat
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - Thành viên HĐQT
 - Công ty do ông Trần Phương Bắc sở hữu 100% - Công ty Luật TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Chứng khoán;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh;
 - Giám đốc - Công ty TNHH MNS Meat;
 - Giám đốc - Masan Consumer (Thailand) Limited;
 - Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Farm;
 - Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn;
 - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MNS Meat Processing;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Blue;
 - Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH The Sherpa;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan Jinju
 - Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại 31/08/2021): 900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00027% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00027% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại 31/08/2021): Không có
- Những khoản nợ đối với Công Ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công Ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty: Không có

Ông Huỳnh Việt Thăng - Thành Viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: Huỳnh Việt Thăng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1973
- Số CCCD: 001073013646
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế tại Đại học Tài Chính Kế Toán TP. HCM (tên hiện nay là Đại học Kinh Tế TP.HCM)
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995 đến 1999: Làm việc tại Saigon Shipyard
 - Từ 1999 đến 2007: Làm việc tại Coca-Cola Vietnam
 - Từ 2007 đến 2009: Làm việc tại Unilever Vietnam
 - Từ 2009 đến 2013: Làm việc tại Café Outspan Viet Nam
 - Từ 2013 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
 - Từ 6/2020 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
 - Từ 4/2020 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
 - Từ 10/2014 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha
 - Từ 9/2020 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bột giặt NET
 - Từ 4/2021 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Masan MEATLife
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bột giặt NET
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại 31/08/2021): 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại 31/08/2021): Không có
- Những khoản nợ đối với Công Ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công Ty: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty: Không có

Ông Neal Leroux Kok – Thành viên HĐQT không điều hành

- Họ và tên: Neal Leroux Kok
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1986
- Số Passport: PE0410536
- Quốc tịch: Úc
- Nơi sinh: Harare, Zimbabwe
- Dân tộc: NA
- Địa chỉ thường trú: 5 Mount Emily Road, #08-04, Singapore 228490
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Thương mại
- Quá trình công tác:
 - Từ 2/2011 đến 5/2013: Chuyên viên phân tích - Goldman Sachs Australia (Sydney)
 - Từ 6/2013 đến 8/2014: Associate - Treadstone Partners (Sydney)
 - Từ 9/2014 đến nay: Giám đốc quỹ - KKR Singapore
 - Từ 4/2019 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - Từ 4/2019 đến nay: Người đại diện theo ủy quyền – VN Consumer Meat II Pte. Ltd.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc quỹ - KKR Singapore
 - Người đại diện theo ủy quyền – VN Consumer Meat II Pte. Ltd.
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại 31/08/2021): 23.161.294 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,09% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu cho VN CONSUMER MEAT II PTE. LTD: 23.161.294 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,09% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại 31/08/2021): Không có
- Những khoản nợ đối với Công Ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công Ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty: Không có

12.2. Ủy Ban Kiểm Toán

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về UBKT của MML:

Tên	Tuổi	Số CMND/ CCCD/Passport	Chức vụ
Huỳnh Việt Thăng	48	001073013646	Chủ tịch UBKT
Trần Phương Bắc	48	027074000266	Thành viên UBKT

Các thành viên Ủy Ban Kiểm toán được lựa chọn đã đáp ứng các tiêu chí theo điều lệ Công Ty trong đó bao gồm có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công Ty và không thuộc các trường hợp cấm theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Việt Thăng – Chủ tịch UBKT

Vui lòng tham khảo thông tin tại phần “Hội Đồng Quản Trị”.

Ông Trần Phương Bắc – Thành viên UBKT

Vui lòng tham khảo thông tin tại phần “Hội Đồng Quản Trị”.

12.3. Ban Điều Hành

Bảng sau đây tổng hợp các thông tin về các thành viên Ban Điều Hành của Tổ Chức Niêm Yết:

Tên	Tuổi	Số CMND/ CCCD/Passport	Chức vụ
Ông Phạm Trung Lâm	47	082073000216	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Trung	51	027070000318	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	48	040172000498	Giám đốc Tài chính
Ông Trần Quang Bé	51	024313534	Kế toán trưởng

Ông Phạm Trung Lâm – Tổng Giám đốc

Vui lòng tham khảo thông tin tại phần “Hội Đồng Quản Trị”.

Ông Nguyễn Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Quốc Trung
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1970
- Số CCCD: 027070000318
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Kỹ sư chăn nuôi & Thú y - Đại Học Nông Nghiệp II - TP Huế; Cử Nhân Quản Trị Kinh Doanh - Đại Học Mở TP HCM; Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh - Đại Học Solvay Business School
- Quá trình công tác:
 - Từ 1994 đến 2004: Giám đốc kinh doanh ngành thức ăn chăn nuôi - Công ty Cổ phần chăn nuôi Việt Nam;
 - Từ 2004 đến 2014: TGD - Công ty TNHH JAPFA COMFEED Long An, Công ty TNHH JAPFA COMFEED Bình Thuận, và Công ty TNHH Japfa - Hypor Genetics;
 - Từ 2014 đến 11/2020: Chủ tịch HĐQT, TGD – Công ty Cổ phần 3F VIỆT; Giám đốc điều hành – Công ty Cổ phần 3F VIỆT – Chi nhánh tại Đồng Nai; Chủ tịch, Giám đốc điều hành – Công ty TNHH Thực Phẩm 3F VIỆT;
 - Từ 11/2020 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, TGD – Công ty Cổ phần 3F Việt;

- Từ 11/2020 đến nay: Chủ tịch công ty, Giám đốc – Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt;
- Từ 11/2020 đến nay: Phó TGD Công Ty Cổ Phần Masan MEATLife
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty: Phó TGD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Phó Chủ tịch HĐQT, TGD – Công ty Cổ phần 3F Việt;
 - Chủ tịch công ty, Giám đốc – Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt;
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại 31/08/2021): 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại 31/08/2021): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao và/hoặc lương, thưởng
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Bà Nguyễn Thị Minh Hằng - Giám đốc Tài chính

- Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Hằng
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1972
- Số CCCD: 040172000498
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 244/22 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú nhuận, TP, Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Đại học Kinh Tế TP, HCM
Thạc sỹ Kế toán Quốc tế, Đại học Swinburne, Úc
CPA của Úc
- Quá trình công tác:
 - Từ 2006 đến 2012: Giám đốc tài chính - Công ty TNHH ScanCom International (Vietnam)
 - Từ 2012 đến 2016: Giám đốc tài chính - Công ty TNHH Triumph International (Vietnam)
 - Từ 2016 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - Từ 2016 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (PROCONCO)
 - Từ 2016 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO)
 - Từ 2016 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An
 - Từ 2017 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam
 - Từ 4/2019 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là "Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn")
 - Từ 11/2020 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần 3F Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty: Giám đốc Tài chính

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam;
 - Giám đốc Tài chính Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn;
 - Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần 3F Việt.
- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại 31/08/2021):
 - 144.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu:
 - 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu:
 - 144.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại 31/08/2021):
 - Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty:
 - Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thù lao và/hoặc lương, thưởng
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:
 - Không có

Ông Trần Quang Bé - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Trần Quang Bé
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Số CMND: 024313534
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 250/2B Đường Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp, Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995 đến 2008: Kế toán tài sản và giá thành - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
 - Từ 2009 đến nay: Phó phòng tài chính, kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
 - Từ 2017 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - Từ 2017 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed
 - Từ 10/2020 đến nay: Trưởng BKS - Công ty Cổ phần 3F Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Phó phòng tài chính, kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
 - Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed;

- Tổng số cổ phần nắm giữ (tại 31/08/2021):
 - Trường BKS – Công ty Cổ phần 3F Việt. 35.580 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 35.580 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại 31/08/2021): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao và/hoặc lương, thưởng
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

13. Tài Sản

13.1. Tài sản cố định:

- Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại / Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	6.632.822	5.007.399	75,49%
Nhà cửa và vật kiến trúc	3.884.979	3.228.345	83,10%
Máy móc và thiết bị	2.564.945	1.659.832	64,71%
Phương tiện vận chuyển	123.274	82.226	66,70%
Dụng cụ văn phòng	59.624	36.997	62,05%
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	22.761	22.279	97,88%
Máy móc và thiết bị	20.951	20.507	97,88%
Phương tiện vận chuyển	1.810	1.772	97,90%
Tài sản cố định vô hình	5.198.505	3.355.168	64,54%
Quyền sử dụng đất	219.899	185.568	84,39%
Phần mềm máy vi tính	61.847	30.447	49,23%
Thương hiệu	1.814.782	1.331.407	73,36%
Mối quan hệ khách hàng	2.535.977	1.807.746	71,28%
Công nghệ	566.000	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2020 của Tổ Chức Phát Hành

- Tại ngày 30/6/2021

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	6.808.837	4.940.520	72,56%
Nhà cửa và vật kiến trúc	3.940.896	3.197.300	81,13%
Máy móc và thiết bị	2.683.319	1.635.431	60,95%
Phương tiện vận chuyển	120.294	71.290	59,26%
Dụng cụ văn phòng	60.870	33.295	54,70%
Vật nuôi	3.458	3.204	92,65%
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	370.311	367.849	99,34%
Nhà cửa và vật kiến trúc	347.132	347.132	100,00%
Máy móc và thiết bị	20.951	18.779	89,63%
Phương tiện vận chuyển	2.229	1.939	86,99%
Tài sản cố định vô hình	5.198.506	3.231.953	62,17%
Quyền sử dụng đất	219.899	182.541	83,01%
Phần mềm máy vi tính	61.847	25.901	41,88%
Thương hiệu	1.814.782	1.279.933	70,53%
Mối quan hệ khách hàng	2.535.977	1.743.579	68,75%
Công nghệ	566.000	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ chức Niêm yết

13.2. Tài sản dở dang dài hạn

Chỉ tiêu	31/12/2019 (triệu VND)	31/12/2020 (triệu VND)	30/06/2021 (triệu VND)
Máy móc và thiết bị	200.970	101.949	85.240
Nhà cửa và vật kiến trúc	111.508	65.935	67.236
Khác	40.764	14.091	9.512
Tổng	353.241	181.975	161.989

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020, và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổ chức Niêm yết

14. Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh, Lợi Nhuận Và Cổ Tức Trong Các Năm Tiếp Theo

14.1. Kế Hoạch Lợi Nhuận

Chỉ tiêu hợp nhất	Năm 2021		Năm 2022 (*)	
	Kế hoạch (tỷ VND)	% tăng/giảm so với năm 2020	Kế hoạch (tỷ VND)	% tăng/giảm so với năm 2021
Doanh thu thuần	21.000 – 23.000	30,28% - 42,69%	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công Ty	300 - 700	14,07% – 166,16%	-	-
Vốn điều lệ	3.267	-	-	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,43% - 3,04%	-	-	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	9,18% - 21,43%	-	-	-
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	0%	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công Ty thông qua vào ngày 01/04/2021

(*) Công Ty chưa có kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

14.2. Căn Cứ Để Đạt Được Kế Hoạch Lợi Nhuận Nêu Trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của MML được đặt ra dựa trên cơ sở tăng trưởng nhanh và mũi nhọn từ ngành thịt, trong khi ngành thức ăn chăn nuôi giữ tốc độ tăng trưởng ổn định. MML hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu ngành thịt (bao gồm thịt gà) là 100% so với năm 2020, đóng góp 20% - 30% trong tổng doanh thu thuần hợp nhất và phát triển thành công danh mục sản phẩm thịt chế biến. Măng thức ăn chăn nuôi dự kiến sẽ tăng trưởng 15% và có tiềm năng tăng trưởng mạnh nếu việc tái đàn heo tại Việt Nam được đẩy nhanh để đáp ứng nhu cầu trong nước trong năm 2021.

Kết quả kinh doanh năm 2021 của MML đã được thể hiện phần nào thông qua con số trong 6 tháng đầu năm 2021:

- Doanh thu thuần đạt 10.232 tỷ Đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2020 nhờ vào doanh thu mảng thịt tăng trưởng mạnh (nhờ sự mở rộng mạng lưới của thương hiệu MEATDeli và hợp nhất từ Công ty 3F Việt (thịt gà)) và doanh thu thức ăn chăn nuôi cũng tăng trưởng khả quan do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi đã được khắc phục. Với kết quả này, MML đã đạt được 49% kế hoạch doanh thu thấp và 44% kịch bản kế hoạch doanh thu cao của năm 2021.
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ đạt 290 tỷ Đồng so với mức -13 tỷ Đồng so với 6 tháng năm 2020 nhờ vào doanh thu tăng trưởng tích cực từ các nguyên nhân đã nêu trên và biên lợi nhuận cải thiện nhờ hiệu quả quản lý chi phí. Công Ty đã đạt được 97% kịch bản kế hoạch lợi nhuận thấp và 41% kịch bản kế hoạch lợi nhuận cao của năm 2021.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công Ty trong thời gian qua, vị thế tài chính hiện tại và triển vọng các ngành hàng trong tương lai, MML tin tưởng những dự báo tài chính của Công Ty là khả thi.

14.3. Kế Hoạch Đầu Tư

Trong năm 2021 và năm 2022, Tổ Chức Niêm dự định chi lần lượt là 1.938 tỷ Đồng và 1.655 tỷ Đồng cho hoạt động đầu tư nhằm củng cố vị thế và gia tăng năng lực cạnh tranh của Công Ty. Tổ Chức Niêm

Yết định dùng cho các mục đích sau: (i) bảo trì bảo dưỡng các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản của Công Ty; (ii) xây dựng hệ thống nhà máy chế biến thịt, gia cầm và (iii) đầu tư xây dựng, mở rộng hệ thống phân phối bán lẻ của thương hiệu thịt mát MEATDeli.

14.4. Kế Hoạch Tăng Vốn Điều Lệ

Nhu được phê duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên 2021, Tổ Chức Niêm Yết đang có kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong năm 2021 hoặc cho đến trước ĐHĐCĐ thường niên 2022 và sau khi được UBCKNN chấp thuận. Tổng số cổ phần chào bán là không vượt quá 10% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công Ty. Cụ thể như sau:

- Mục đích chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: (i) phục vụ cho mục đích chung, nhu cầu hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động của Công Ty; và/hoặc (ii) đầu tư góp vốn vào các công ty con; và/hoặc (iii) nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh của Công Ty; và/hoặc (iv) tối ưu hóa bảng cân đối kế toán của Công Ty; và/hoặc (v) cho các hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp; và/hoặc (vi) tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con; và/hoặc (vii) tạo cơ sở cho việc phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả của Công Ty.
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư được chào bán: (1) đối với nhà đầu tư chiến lược: là các tổ chức trong nước và nước ngoài có năng lực về tài chính hoặc trình độ công nghệ hỗ trợ sự phát triển hoạt động kinh doanh của Công Ty và các công ty con, (2) đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp: là các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Giao cho HĐQT, và cho phép HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD quyết định các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp cụ thể.
- Số lượng nhà đầu tư: cổ phần được chào bán cho không quá 99 nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
- Tổng số cổ phần chào bán: tối đa 10% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công Ty. Giao cho HĐQT và cho phép HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD, quyết định số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Loại cổ phần chào bán: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ.
- Số lần chào bán: một lần hoặc nhiều lần.
- Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán: giá chào bán không thấp hơn giá trị sổ sách một cổ phần theo báo cáo tài chính năm hợp nhất được kiểm toán gần nhất của Công Ty. Giao cho HĐQT và cho phép HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD, quyết định giá chào bán cụ thể.
- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

15. Đánh Giá Của Tổ Chức Tư Vấn Về Kế Hoạch Lợi Nhuận Và Cổ Tức

Về kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết

Với tư cách là tổ chức tư vấn, trên cơ sở những thông tin và phân tích số liệu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết trong những năm vừa qua. Tổ Chức Tư Vấn xin đưa ra những đánh giá về kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Tổ Chức Niêm Yết như sau:

- Các hợp đồng dự kiến thực hiện trong các năm tới là cơ sở khả thi để Tổ Chức Niêm Yết đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, kinh nghiệm là những điều kiện tốt để Tổ Chức Niêm Yết hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Về khả năng cân đối thanh toán trả nợ gốc và lãi của Trái Phiếu

Tổ Chức Niêm Yết dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác của mình để cân đối trả nợ lãi và gốc Trái Phiếu. Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu. Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy rằng kế hoạch và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Tổ Chức Niêm Yết có thể thực hiện được nếu không xảy ra các rủi ro bất khả kháng.

Tổ Chức Tư Vấn xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư Trái Phiếu của Tổ Chức Niêm Yết.

16. Thông Tin Về Những Cam Kết Nhưng Chưa Thực Hiện Của Tổ Chức Niêm Yết

Tổ Chức Niêm Yết không có cam kết nào chưa được thực hiện tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này.

17. Các Thông Tin, Các Tranh Chấp Tụng Liên Quan Tới Công Ty Mà Có Thể Ảnh Hưởng Đến Giá Cả Chứng Khoán Niêm Yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại Trái Phiếu:

Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của tổ chức phát hành.

2. Ngày Phát Hành:

26/8/2021 (“Ngày Phát Hành”)

3. Ngày Đáo Hạn:

26/8/2026 (“Ngày Đáo Hạn”)

4. Thời Hạn Trái Phiếu:

60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

5. Mệnh Giá:

100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng)/ 1 (một) Trái Phiếu.

6. Mục đích phát hành trái phiếu:

Nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động cũng như để huy động nguồn vốn với chi phí hợp lý trên thị trường trong giai đoạn lãi suất đang thấp hiện nay, Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động được từ Trái Phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành nhằm thực hiện việc thanh toán cho các đối tác trong giao dịch nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư.

Cụ thể, MML dự kiến sử dụng số tiền thu được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng cho các mục đích cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Đồng)	Thời gian sử dụng vốn
1	Thanh toán một phần khoản phải trả liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 99,99% phần vốn góp tại Công Ty TNHH MNS Meat từ Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế.	1.999.980.000.000	30/8/2021

7. Nguồn Thanh Toán Trái Phiếu:

- Thanh toán lãi Trái Phiếu:** Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 6 (sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu.
- Thanh toán gốc Trái Phiếu:** Gốc Trái Phiếu được thanh toán 1 (một) lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu. Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm Trái Phiếu đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

8. Tổng Số Trái Phiếu Niêm Yết:

19.999.800 (mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm) Trái Phiếu

9. Lãi Suất:

Trái Phiếu có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau:

- (i) Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất cố định 9,5%/năm (chín phẩy năm phần trăm một năm); và
- (ii) Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm (ba phẩy chín phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó.

Trong đó,

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn. Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân với lãi trả sau bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

Lưu ý:

Nếu văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định trên đây thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

10. Kỳ Trả Lãi:

Lãi, áp dụng chung cho các Trái Phiếu, sẽ được thanh toán định kỳ vào ngày tròn 6 (sáu) tháng từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc. Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

11. Số Lượng Trái Phiếu Bị Hạng Chế Chuyển Nhượng Theo Quy Định Của Pháp Luật Hoặc Của Tổ Chức Niêm Yết:

Không có.

12. Xếp Hạng Tín Nhiệm:

Không có.

13. Phương Pháp Tính Giá

Trái Phiếu MMLB2126001 là trái phiếu có kỳ hạn, trả lãi định kỳ và có lãi suất kết hợp giữa cố định và thả nổi theo đó lãi suất được điều chỉnh theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường.

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- PV: là Giá của Trái Phiếu
 FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu
 CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận vào kỳ trả lãi thứ i
 n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu
 k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất cố định đã công bố áp dụng;
4. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
5. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
6. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).

Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu

Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu (FV):	100.000 Đồng/Trái Phiếu;
Ngày phát hành:	26/8/2021;
Ngày đáo hạn (Maturity):	26/8/2026;
Kỳ hạn:	05 (năm) năm
Kỳ trả lãi (Frequency):	vào các ngày 26/2, và 26/8 hàng năm
Lãi suất (CPN):	Lãi suất cho 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất cố định 9,5%/năm (chín phẩy năm phần trăm một năm); và Lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi sau 4 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Tổng của 3,9%/năm (ba phẩy chín phần trăm một năm) và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam do Ngân

Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

Giá định Ngày định giá (cũng là ngày giao dịch đầu tiên trên sàn) **28/10/2021**

Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại 10 kỳ vào các ngày 26/2/2022; 26/8/2022; 26/2/2023; 26/8/2023; 26/2/2024; 26/8/2024; ; 26/2/2025; 26/8/2025; 26/2/2026; 26/8/2026.

Lãi coupon đã xác định 9,5% cho các kỳ 26/2/2022; 26/8/2022

Lãi coupon chưa xác định Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã gây áp lực lớn lên thị trường tài chính, khiến lãi suất ngân hàng và trái phiếu chính phủ đều giảm ở tất cả các kì hạn. Theo đó, các ngân hàng thực hiện nhiều biện pháp để giúp hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân bị ảnh hưởng bởi đại dịch.

- > Giả sử lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên giảm theo xu hướng chung của thị trường, giả định giảm 0,3% so với mức lãi của bốn Kỳ Tính Lãi đầu tiên: **9,2%**
- Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 05 năm là 0,84% (nguồn: <https://hnx.vn/vi-vn/trai-phiieu.html>)
- Giả định mức biên chênh lệch giữa trái phiếu doanh nghiệp và lợi suất trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn 5 năm được yêu cầu bởi nhà đầu tư là 5%
- Như vậy mức lợi suất yêu cầu được xác định là **5,84%/năm**

Cơ sở tính ngày (day count convention) - Actual/365

Ngày	26/02/2022	26/08/2022	26/02/2023	26/08/2023	26/02/2024	26/08/2024	26/02/2025	26/08/2025	26/02/2026	26/08/2026
	Kỳ trả lãi 1	Kỳ trả lãi 2	Kỳ trả lãi 3	Kỳ trả lãi 4	Kỳ trả lãi 5	Kỳ trả lãi 6	Kỳ trả lãi 7	Kỳ trả lãi 8	Kỳ trả lãi 9	Kỳ trả lãi 10/ Đáo hạn
Lãi suất coupon (CPN)	9,5%	9,5%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%
Dòng tiền lãi CF(i)=CPN*số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365	4789	4711	4638	4562	4638	4587	4638	4562	4638	4562
Gốc trái phiếu (Redemption)										100000
Số ngày nắm giữ	121	302	486	667	851	1033	1217	1398	1582	1763
LS chiết khấu	5,84%	5,84%	5,84%	5,84%	5,84%	5,84%	5,84%	5,84%	5,84%	5,84%

⁴ Đây chỉ là một ví dụ tham khảo về các xác định lợi suất yêu cầu đối với trái phiếu doanh nghiệp trên cơ sở credit spread đối với trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn theo thông lệ quốc tế. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm lợi suất giao dịch của trái phiếu doanh nghiệp có cùng rating và cùng kỳ hạn hoặc các phương pháp khác để xác định lợi suất yêu cầu.

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, tại ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HNX dự kiến **28/10/2021**, giá của Trái Phiếu là:

$$\begin{aligned}
 FV = & \frac{4789}{(1+5,84)^{119/365}} + \frac{4711}{(1+5,84)^{300/365}} + \frac{4638}{(1+5,84)^{484/365}} + \frac{4562}{(1+5,84)^{665/365}} + \frac{4638}{(1+5,84)^{849/365}} + \frac{4587}{(1+5,84)^{1031/365}} \\
 & + \frac{4638}{(1+5,84)^{1215/365}} + \frac{4562}{(1+5,84)^{1396/365}} + \frac{4638}{(1+5,84)^{1580/365}} + \frac{104562}{(1+5,84)^{1761/365}} = 125.341 \text{ VND}
 \end{aligned}$$

14. Tính Lợi Suất Đáo Hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu;
- Ngày phát hành: 26/8/2021;
- Ngày đáo hạn: 26/8/2026;
- Kỳ trả lãi: vào các ngày 26/2, 26/8 hàng năm cho đến khi Trái Phiếu đáo hạn;
- Lãi suất:
- 2 kỳ trả lãi đầu tiên: 9,5%/năm;
- Cho tất cả các kỳ trả lãi sau 2 kỳ trả lãi đầu tiên: 9,2%/năm (đang giả định lãi suất ổn định, không thay đổi giữa các kỳ sau 2 kỳ trả lãi đầu tiên).
- Ngày giao dịch dự kiến: 28/10/2021

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch tại ngày 28/10/2021 và nắm giữ tới khi đáo hạn thì lợi suất trái phiếu khi đáo hạn (k) là:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ngày	26/02/2022	26/08/2022	26/02/2023	26/08/2023	26/02/2024	26/08/2024	26/02/2025	26/08/2025	26/02/2026	26/08/2026
	Kỳ trả lãi 1	Kỳ trả lãi 2	Kỳ trả lãi 3	Kỳ trả lãi 4	Kỳ trả lãi 5	Kỳ trả lãi 6	Kỳ trả lãi 7	Kỳ trả lãi 8	Kỳ trả lãi 9	Kỳ trả lãi 10/ Đáo hạn
Lãi suất coupon (CPN)	9,5%	9,5%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%	9,20%
Dòng tiền lãi CF(i)=CPN*số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365	4789	4711	4638	4562	4638	4587	4638	4562	4638	4562
Gốc trái phiếu (Redemption)										100000
Số ngày nắm giữ	121	302	486	667	851	1033	1217	1398	1582	1763

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 5,84\%/năm$

15. Phương Pháp Thực Hiện Quyền

15.1.Lãi Trái Phiếu

- Trái Phiếu có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau:

- Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất cố định 9,5%/năm (chín phẩy năm phần trăm một năm); và
- Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm (ba phẩy chín phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó.

Trong đó,

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng đối với khách hàng cá nhân với lãi trả sau bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn (hoặc đến ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc) của Trái Phiếu tương ứng.

- Trái Phiếu sẽ hưởng lãi theo Lãi Suất cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù là tự nguyện hay bắt buộc). Lãi phát sinh trên khoản tiền gốc của Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- Lãi trên khoản tiền gốc của Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi (được định nghĩa bên dưới) như sau:
 - Đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và
 - Đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

- Trái Phiếu ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp. Trong trường hợp đó, khoản gốc của Trái Phiếu bị chậm thanh toán tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định dưới đây.
- Trừ khi những người sở hữu trái phiếu có chấp thuận khác và phù hợp với mức độ pháp luật cho phép, Tổ Chức Niêm Yết phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác) với lãi suất bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất đang áp dụng vào ngày liền trước ngày đến hạn thanh toán của khoản tiền đó. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam áp dụng có quy định mức lãi suất chậm thanh toán tối đa đối với bất kỳ khoản tiền nào nêu trên mà mức lãi suất tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm), lãi suất được áp dụng sẽ là lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật đó.
- Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không gồm cả) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Niêm Yết thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

15.2. Thanh Toán Gốc và Lãi Trái Phiếu

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSD. Chi tiết về việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Điều Khoản 8 của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

15.3. Mua Lại Trái Phiếu

• Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Tổ Chức Niêm Yết sẽ mua lại toàn bộ các Trái Phiếu đang lưu hành với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

• Mua Lại Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Niêm Yết

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại đại lý đăng ký và tổ chức lưu ký, Tổ Chức Niêm Yết được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành và để tránh nhầm lẫn, chủ sở hữu trái phiếu có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Niêm Yết khi nhận được chào mua như vậy.

• Mua Lại Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Khi Trái Phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, trừ trường hợp được quy định khác đi tại các văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chế của VSD hoặc Sở giao dịch chứng khoán có liên quan, bên cạnh việc mua lại trước hạn theo quyền chọn của Tổ Chức Niêm Yết, và các hình thức mua lại trước hạn khác phù hợp với các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật và các quy chế có liên quan của VSD và Sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Niêm Yết có thể mua Trái Phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày phát hành khi Trái Phiếu được giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, các quy chế và hướng dẫn có liên quan của VSD và Sở giao dịch chứng khoán.

• Mua Lại Khi Xây Ra Sự Kiện Vi Phạm

Các sự kiện sau đây được coi là sự kiện vi phạm (“**Sự Kiện Vi Phạm**”):

- (a) *Không Thanh Toán*: Tổ Chức Niêm Yết không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc hoặc lãi Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán có liên quan và việc không thanh toán đó không được Tổ Chức Niêm Yết khắc phục trong thời hạn 7 (bảy) Ngày Làm Việc liên tục từ ngày đến hạn thanh toán có liên quan.
- (b) *Vi Phạm Pháp Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu*: Tổ Chức Niêm Yết vi phạm nghiêm trọng bất kỳ quy định có liên quan nào của pháp luật Việt Nam về chào bán trái phiếu ra công chúng (trong phạm vi liên quan đến Trái Phiếu) hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Niêm Yết không chấm dứt và/hoặc không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan.
- (c) *Vi Phạm Cam Kết*: Tổ Chức Niêm Yết không tuân thủ các cam kết tạo thành Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại Điều Khoản 11 sau khi Trái Phiếu đã được phát hành và việc không tuân thủ đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Niêm Yết nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan.
- (d) *Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng Theo Các Thỏa Thuận Khác*
- (i) Tổ Chức Niêm Yết hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Niêm Yết không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào (cho dù là một Khoản Nợ riêng lẻ hay một nhóm các Khoản Nợ có liên quan) khi đến hạn (nhưng chỉ sau khi kết thúc khoảng thời gian ân hạn có liên quan) hoặc có bất kỳ Khoản Nợ nào phải được thanh toán trước ngày đáo hạn của Khoản Nợ đó do vi phạm của Tổ Chức Niêm Yết hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Niêm Yết liên quan đến Khoản Nợ đó.
- Vì mục đích của quy định này, “**Khoản Nợ**” có nghĩa là bất kỳ khoản nợ nào với tổng số tiền gốc trên 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Niêm Yết hoặc bất kỳ công ty con nào của Tổ Chức Niêm Yết
- (ii) Có bất kỳ tài sản nào có giá trị lớn hơn 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Niêm Yết hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Niêm Yết bị xử lý theo diện xử lý tài sản bảo đảm.
- (e) *Mất Khả Năng Thanh Toán*: Tổ Chức Niêm Yết hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Niêm Yết bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán (kể cả do ngừng hoặc đe dọa ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết hoặc Công Ty Con) làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản đối với Tổ Chức Niêm Yết hoặc Công Ty Con của chủ nợ nói chung (kể cả các chủ nợ đối với các khoản phải thanh toán của Tổ Chức Niêm Yết hoặc Công Ty Con đó theo bất kỳ bản án hoặc quyết định nào của tòa án được ban hành và có hiệu lực thi hành đối với Tổ Chức Niêm Yết hoặc Công Ty Con) theo các văn bản quy phạm pháp luật về phá sản doanh nghiệp và tình trạng đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

- (f) *Quốc Hữu Hóa*: Bất kỳ cơ quan nhà nước nào tịch thu, quốc hữu hóa, tịch biên, sung công hoặc bằng cách khác đoạt quyền chiếm hữu hoặc kiểm soát tất cả hoặc về cơ bản là (i) tất cả các công việc kinh doanh, hoạt động, bất động sản hoặc tài sản khác của Tổ Chức Niêm Yết hoặc (ii) vốn điều lệ/phần vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết và biện pháp hoặc hành động đó không được giải trừ hoặc hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.
- (g) *Bất Hợp Pháp*: Việc Tổ Chức Niêm Yết thực hiện hoặc tuân thủ các nghĩa vụ quan trọng của Tổ Chức Niêm Yết theo Các Điều Kiện Trái Phiếu là hoặc trở nên bất hợp pháp theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và sự kiện này không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

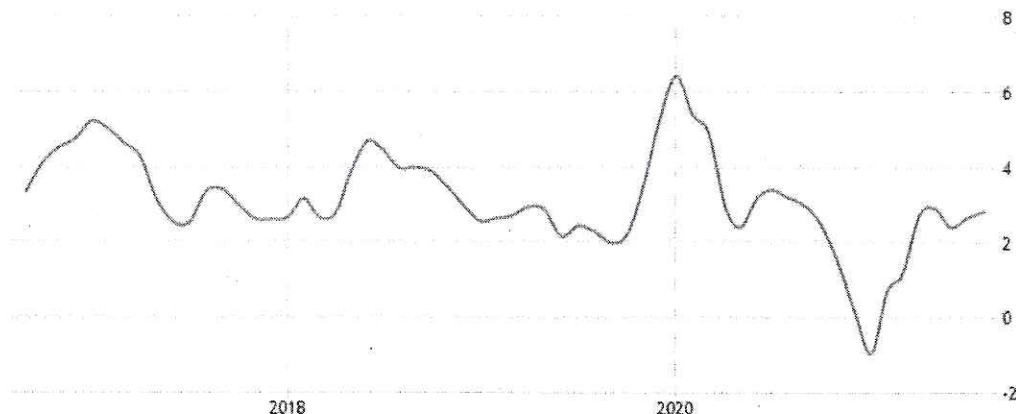
Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào xảy ra, bất kỳ chủ sở hữu trái phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho đại diện chủ sở hữu trái phiếu để yêu cầu đại diện chủ sở hữu trái phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

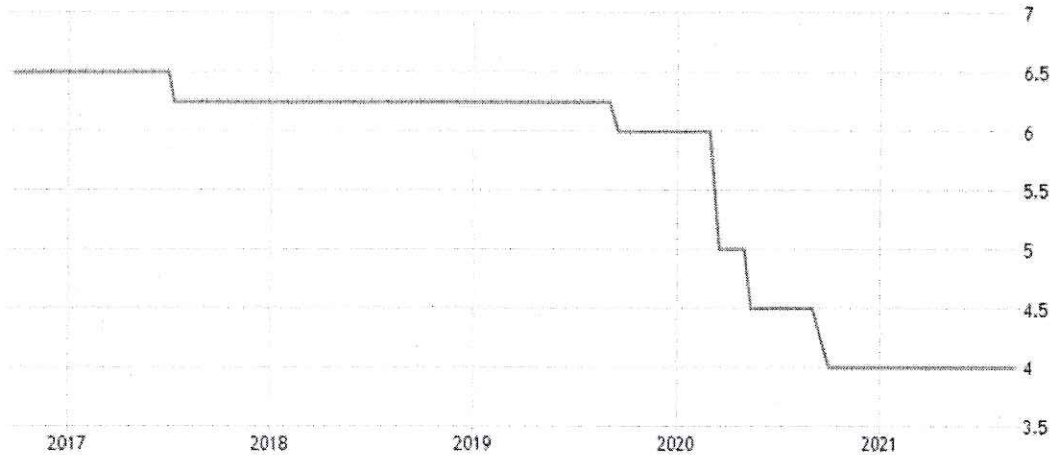
16. Đánh Giá Tác Động Của Tình Hình Lạm Phát Đối Với Trái Phiếu Niêm Yết

Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước tới nay. Nhận thức rõ vai trò của lạm phát, trong những năm gần đây, Chính phủ đã xác định mức cụ thể và coi lạm phát hàng năm là một chỉ tiêu phải được kiểm soát một cách chặt chẽ bên cạnh các chỉ tiêu kinh tế quan trọng khác. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lạm phát bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm gần nhất. Trong năm 2020, lạm phát ở mức 3,23% và tiếp tục trong tầm kiểm soát so với mục tiêu 4% được đề ra trong năm của NHNN. Trong 8 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ lạm phát tăng 1,79% so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 đến nay.

Tỷ lệ lạm phát giữ ở mức thấp và ổn định sẽ tạo điều kiện cho các chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Một số thay đổi trong điều hành lãi suất những năm qua luôn được Ngân hàng Nhà nước tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính ổn định và thực hiện các mục tiêu kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế. Việc quy định trần lãi suất cho vay, đặc biệt đối với lĩnh vực ưu tiên, đã góp phần gia tăng cơ hội tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

Diễn biến lạm phát giai đoạn từ năm 2016 đến đầu năm 2021



Diễn biến lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn từ năm 2016 đến đầu năm 2021

Nguồn: vietstock.vn, Tradingeconomics.com, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất.

17. Bảo Lãnh**17.1. Bên Bảo Lãnh**

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0303576603 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2004, như được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm, và có địa chỉ đăng ký tại Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

17.2. Hình thức bảo lãnh

Căn cứ Thỏa Thuận Bảo Lãnh, Bên Bảo Lãnh sẽ bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang tất cả nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Niêm Yết theo hoặc liên quan đến các Trái Phiếu vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Các điều khoản và điều kiện cụ thể của bảo lãnh đối với các Trái Phiếu được quy định trong Thỏa Thuận Bảo Lãnh.

18. Giới Hạn Về Tỷ Lệ Nắm Giữ Đối Với Người Nước Ngoài (Theo Quy Định Của Pháp Luật Về Chứng Khoán Và Pháp Luật Chuyên Ngành)

Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Điều lệ của Tổ Chức Niêm Yết, Tổ Chức Niêm Yết không bị giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước

ngoài.

19. Các Loại Thuế Có Liên Quan Đến Trái Phiếu

19.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân

Tại Việt Nam, thuế thu nhập cá nhân được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật sau đây:

- (i) Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế (gọi chung là **Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân**).
- (ii) Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 sửa đổi, một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Nghị Định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư Số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của bộ tài chính, Thông Tư Số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của bộ tài chính;
- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; và
- (vi) Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện thuế Giá trị gia tăng và Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

Căn cứ vào các văn bản trên:

- Thu nhập từ đầu tư vốn bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành, trừ thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thu nhập từ lãi trái phiếu Chính Phủ. Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn áp dụng theo biểu thuế toàn phần là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với cá

nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.

19.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- (i) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế;
- (ii) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- (iv) Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam;
- (v) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (vi) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vii) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (viii) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính.

Căn cứ vào các văn bản trên:

Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước

Doanh nghiệp có thu nhập từ lãi vay thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài

Theo quy định pháp luật về nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu thì là đối tượng chịu thuế nhà thầu.

Theo quy định về thuế nhà thầu thì thu nhập từ lãi tiền vay là thu nhập của bên cho vay từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào mà khoản vay đó có hay không được đảm bảo bằng thế chấp, người cho vay đó có hay không được hưởng lợi tức của người đi vay; thu nhập từ lãi tiền gửi (trừ lãi tiền gửi của các cá nhân người nước ngoài và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi để duy trì hoạt động tại Việt Nam của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính Phủ tại Việt Nam), kể cả các khoản thưởng đi kèm lãi tiền gửi (nếu có); thu nhập từ lãi trả chậm theo quy định của các hợp đồng; thu nhập từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế), tín phiếu kho bạc; thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi. Lãi tiền vay bao gồm cả các khoản phí mà Bên Việt Nam phải trả theo quy định của hợp đồng.

Do vậy, thu nhập từ lãi trái phiếu do tổ chức/cá nhân nước ngoài nắm giữ sẽ chịu thuế nhà thầu. Tỷ lệ (%) Thuế Thu nhập Doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế đối với lãi tiền vay (lãi trái phiếu) là 5%.

Ngoài ra, trường hợp tổ chức/cá nhân nước ngoài chuyển nhượng trái phiếu thì áp dụng thuế tỷ lệ (%) thuế Thu nhập Doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán (bao gồm chuyển nhượng trái phiếu) là 0,1%.

Trong trường hợp Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần có quy định khác đi và có lợi hơn, các doanh nghiệp này có thể áp dụng các điều khoản của Hiệp định và thông báo cho bên Việt Nam về việc miễn, giảm thuế theo Hiệp định tại Việt Nam.

Tổ Chức Niêm Yết sẽ tiến hành khấu trừ thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Tuy nhiên Tổ Chức Niêm Yết có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào và không phụ thuộc vào phương pháp khấu trừ thuế, khấu trừ thuế với mức cao hơn để nộp cho Ngân sách Nhà nước nếu Tổ Chức Niêm Yết tin rằng làm như vậy theo đúng quy định của pháp luật. Tổ Chức Niêm Yết không chịu trách nhiệm về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào của các nhà đầu tư trái phiếu tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu và bất kỳ khiếu nại nào về việc áp dụng phương thức khấu trừ thuế.

19.3. Thuế Giá Trị Gia Tăng

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- (i) Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; và luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;
- (ii) Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế. Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9/2/2017 ban hành quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013;

- (iii) Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế Giá trị gia tăng;
- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vi) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (vii) Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý Thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế.

Theo quy định trên, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ lãi trái phiếu không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Theo đó, chuyển nhượng trái phiếu và lãi trái phiếu sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định áp dụng thuế giá trị gia tăng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu sau Ngày Phát Hành thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ thanh toán thuế giá trị gia tăng này.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Địa chỉ : Lầu 10, Tòa Nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số fax : +84 28 3827 4115

Số điện thoại : +84 28 6256 3862

Website : <https://masanmeatlife.com.vn>

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa Nhà Keangnam, Landmark Tower, E6, Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại : (84-4) 3946 1600

Website : <https://home.kpmg.com>

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ : Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Số fax : (84-24) 3944 6583

Số điện thoại : (84-24) 3944 6368

Website : www.tcbs.com.vn

4. ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ : Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Số fax : (84-24) 3944 6583

Số điện thoại : (84-24) 3944 6368

Website : www.tcbs.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: Điều lệ Công Ty;
3. Phụ lục III: Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu;
4. Phụ lục IV: Bản sao Hợp đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính của Tổ Chức Niêm Yết
 - Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2019
 - Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2020
 - Báo cáo tài chính BCTC riêng lẻ và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 năm 2021
6. Phụ lục VI: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Tổ Chức Niêm Yết

Được lập tại Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2021

TỜ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE



CHỦ TỊCH HĐQT

DANNY LE

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM TRUNG LÂM

CHỦ TỊCH UBKT

HUỲNH VIỆT THĂNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN QUANG BÉ

TỜ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hiền